

**ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM**



**BÁO CÁO GIỮA KỲ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM, ĐẠI HỌC HUẾ**

(Kèm theo Công văn ...681.../ĐHNL-ĐBCLGD ngày 07 tháng 11 năm 2019)

Thừa Thiên Huế, tháng 10 năm 2019

MỤC LỤC

Phần I. THÔNG TIN CHUNG CỦA NHÀ TRƯỜNG	1
Phần II: ĐÁNH GIÁ GIỮA KỲ	17
Tiêu chuẩn 1. Sứ mạng và mục tiêu của trường đại học	17
Tiêu chuẩn 2. Tổ chức và quản lí	19
Tiêu chuẩn 3. Chương trình đào tạo	23
Tiêu chuẩn 4. Các hoạt động đào tạo	26
Tiêu chuẩn 5. Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên.....	32
Tiêu chuẩn 6. Người học	37
Tiêu chuẩn 7. NCKH, ứng dụng, phát triển và chuyển giao công nghệ	47
Tiêu chuẩn 8. Hoạt động hợp tác quốc tế	53
Tiêu chuẩn 9. Thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác	55
Tiêu chuẩn 10. Tài chính và quản lý tài chính	61
PHẦN III: KẾ HOẠCH CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG.....	64
Phần phụ lục	69

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

BCH	Ban chấp hành	KTĐG	Kiểm tra đánh giá
BTV	Ban thường vụ	KTV	Kỹ thuật viên
CB	Cán bộ	KTX	Ký túc xá
CBVC	Cán bộ viên chức	LĐ	Lao động
CĐ	Cao đẳng	LT	Liên thông
CĐBP	Công đoàn bộ phận	MGHP	Miễn giảm học phí
CLB	Câu lạc bộ	NCKH	Nghiên cứu khoa học
CNTT	Công nghệ thông tin	NV	Nhân viên
CSVC	Cơ sở vật chất	PC&CC	Phòng cháy chữa cháy
CTĐT	Chương trình đào tạo	PGS	Phó Giáo sư
CTSV	Công tác sinh viên	QĐ	Quyết định
CVHT	Cố vấn học tập	SĐH	Sau đại học
ĐH	Đại học	SHCD	Sinh hoạt công dân
ĐHH	Đại học Huế	SHL	Sinh hoạt lớp
ĐHNL	Đại học Nông Lâm	SHTT	Sở hữu trí tuệ
ĐT	Đào tạo	SV	Sinh viên
ĐTN	Đoàn Thanh niên	TCHC	Tổ chức - Hành chính
ĐU	Đảng ủy	TN	Thanh niên
GDĐT	Giáo dục và Đào tạo	TNĐ&MTNN	Tài nguyên đất và Môi trường nông nghiệp
GS	Giáo sư	TS	Tiến sĩ
GV	Giảng viên	TTPVSV	Trung tâm Phục vụ sinh viên
HSV	Hội sinh viên	TT-TV	Thông tin - Thư viện
HTQT	Hợp tác quốc tế	UV	Ủy viên
KHCN	Khoa học - Công nghệ	VB	Văn bản
KT&ĐBCLGD	Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục	VLVH	Vừa làm vừa học

Phần I. THÔNG TIN CHUNG CỦA NHÀ TRƯỜNG

1. Tên đơn vị:

- Tên Trường (Theo QĐ thành lập):

Tiếng Việt: Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế

Tiếng Anh: University of Agriculture and Forestry, Hue University

- Tên viết tắt:

Tiếng Việt: Trường ĐHNL-ĐHH

Tiếng Anh: HUAF

- Cơ quan/Bộ chủ quản: Đại học Huế, Bộ Giáo dục và Đào tạo

- Địa chỉ trường: 102 Phùng Hưng, phường Thuận Thành, thành phố Huế

- Số điện thoại liên hệ: 0234.3522535 và 0234.3525049

Số fax: 084.234.3524923

E-mail: admin@huaf.edu.vn hoặc bgh@huaf.edu.vn

Website: <http://huaf.edu.vn>

2. Thời hạn ghi trên Giấy chứng nhận KĐCLGD: 23/3/2022

3. Thời gian tự đánh giá giữa kì: Từ 19/8/2019 đến 30/10/2019

4. Thông tin, số liệu về đội ngũ, chương trình đào tạo và hoạt động nghiên cứu khoa học¹

4.1. Về đội ngũ

4.1.1. Đội ngũ lãnh đạo, quản lý

Thông tin	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
1. Ban lãnh đạo					
1.1. Hội đồng trường					
	Ngô Tùng Đức	1976	TS, Trưởng phòng Đào tạo, ĐUV, Q. Chủ tịch Hội đồng trường	0989686739	ngotungduc@huaf.edu.vn
	Lê Văn An	1961	PGS.TS, Bí thư ĐU - Hiệu trưởng ĐHNL, UV HĐT	0914126988	levanan@huaf.edu.vn
	Huỳnh Văn Chương	1973	PGS.TS, Phó Giám đốc Đại học Huế, UV HĐT	0905790101	huynhvanchuong@huaf.edu.vn
	Phùng Thăng Long	1962	PGS.TS, Phó Hiệu trưởng, TVĐU; UV HĐT	0905052719	thanglong@huaf.edu.vn
	Lê Đình Phùng	1974	PGS.TS, Phó Hiệu trưởng, ĐUV; UV HĐT	0978306147	phung.ledinh@huaf.edu.vn
	Lê Trọng Thực	1965	Th.S, Chủ tịch Công đoàn trường, Tổ trưởng Tổ TT-PC, TVĐU; UV HĐT	0983043729	letrongthuc@huaf.edu.vn
	Lê Chí Hùng Cường	1987	ThS, Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh; UV HĐT	0906534222	lechihungcuong@huaf.edu.vn
	Nguyễn Thái Sơn	1962	TS, Thường vụ Tỉnh ủy - Trưởng Ban Tuyên giáo tỉnh ủy Thừa Thiên Huế; UV HĐT	0913449230	nguyenthaisontth@gmail.com

¹ Các số liệu trong Báo cáo này cập nhật đến thời điểm báo cáo

Thông tin	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
1.1. Hội đồng trường (tt)	Hồ Vang	1961	KS, Phó Giám đốc sở NN&PTNT Thừa Thiên - Huế; UV HĐT	0903527101	hovangqd@gmail.com
	Hồ Sĩ Lượng	1979	KS, Giám đốc điều hành Công ty cổ phần GreenFeed - Chi nhánh Bình Định; UV HĐT	0909369777	luong.hs@greenfeed.com.vn
	Đình Vương Hùng	1958	TS.GVC, Khoa CKCN; UV HĐT	0913420362	dinhvuonghung@huaf.edu.vn
	Trần Thanh Đức	1975	PGS.TS, Phó Hiệu trưởng, Phó Bí thư Đảng ủy; UV HĐT	0914202428	tranthanhduc@huaf.edu.vn
	Nguyễn Xuân Bá	1961	PGS.TS, Trưởng Khoa CNTY, ĐUV; UV HĐT	0913411708	nguyensexuanba@huaf.edu.vn
	Nguyễn Văn Toàn	1972	PGS.TS, Trưởng Khoa CKCN, ĐUV; UV HĐT	0935966123	nguyenvantoan@huaf.edu.vn
	Trần Đăng Hòa	1971	GS.TS, Trưởng Khoa Nông học, ĐUV; UV HĐT	0905530397	trandanghoa@huaf.edu.vn
1.2 Ban giám hiệu					
	Lê Văn An	1961	PGS.TS, Hiệu trưởng Trường ĐHNL	0914126988	levanan@huaf.edu.vn
	Phùng Thăng Long	1962	PGS.TS, Phó hiệu trưởng	0905052719	thanglong@huaf.edu.vn
	Trần Thanh Đức	1975	PGS.TS, Phó hiệu trưởng	0914202428	tranthanhduc@huaf.edu.vn
	Lê Đình Phùng	1974	PGS.TS, Phó hiệu trưởng	0978306147	phung.ledinh@huaf.edu.vn
2. Các tổ chức Đảng, Đoàn thể					
2.1 Đảng ủy					
	Lê Văn An	1961	PGS.TS, Bí thư ĐU - Hiệu trưởng Trường ĐHNL	0914126988	levanan@huaf.edu.vn

Thông tin	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
2.1 Đảng ủy (tt)	Trần Thanh Đức	1975	PGS.TS, Phó Hiệu trưởng, Phó Bí thư Đảng ủy	0914202428	tranthanhduc@huaf.edu.vn
	Phùng Thăng Long	1962	PGS.TS, Phó Hiệu trưởng, Thường vụ ĐU	0905052719	thanglong@huaf.edu.vn
	Lê Trọng Thực	1965	Th.S, Chủ tịch Công đoàn trường, Tổ trưởng Tổ TT-PC, Thường vụ ĐU;	0983043729	letrongthuc@huaf.edu.vn
	Ngô Tùng Đức	1976	TS, Trưởng phòng Đào tạo, ĐUV, Quyền Chủ tịch Hội đồng trường	0989686739	ngotungduc@huaf.edu.vn
	Lê Đình Phùng	1974	PGS.TS, Phó Hiệu trưởng, ĐUV	0978306147	phung.ledinh@huaf.edu.vn
	Dương Văn Thành	1981	ThS, Phó trưởng phòng TCHC, ĐUV	0988953198	duongvanthanh@huaf.edu.vn
	Nguyễn Xuân Bả	1961	PGS.TS, Trưởng Khoa CNTY, ĐUV	0913411708	nguyensexuanba@huaf.edu.vn
	Nguyễn Văn Toàn	1972	PGS.TS, Trưởng Khoa CKCN, ĐUV	0935966123	nguyenvantoan@huaf.edu.vn
	Trần Đăng Hòa	1971	GS.TS, Trưởng Khoa Nông học, ĐUV	0905530397	trandanghoa@huaf.edu.vn
	Trần Văn Quý	1979	ThS, Trưởng phòng KHTC, ĐUV	0914125152	tranvanquy@huaf.edu.vn
	Đặng Thái Dương	1964	PGS.TS, Trưởng khoa Lâm nghiệp, ĐUV	0914114723	dangthaiduong@huaf.edu.vn
	Nguyễn Viết Tuấn	1963	PGS.TS, Trưởng khoa KN&PTNT, ĐUV	0914172891	nguyenviettuan@huaf.edu.vn
	Lê Văn Dân	1964	PGS.TS, Trưởng khoa Thủy sản, ĐUV	0914204171	ledan@huaf.edu.vn
	Nguyễn Hữu Ngừ	1977	PGS.TS, Trưởng khoa TN&MTNN, ĐUV	0944948585	nguyenhuunguwx@huaf.edu.vn
2.2 Công đoàn (CĐ) trường					
	Lê Trọng Thực	1965	Th.S, Chủ tịch Công đoàn trường	0983043729	letrongthuc@huaf.edu.vn
	Nguyễn Trọng Dũng	1965	ThS, UV BTV, Phó chủ tịch CĐ Trường, Chủ tịch CĐBP	0979033886	nguyentrongdung@huaf.edu.vn
	Trần Quang Vui	1967	TS, UV BTV, Phó chủ tịch CĐ Trường	0914426333	tranquangvui@huaf.edu.vn

Thông tin	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
CĐ trường (tt)	Dương Văn Thành	1981	ThS, UV BTV CĐ Trường	0988953198	duongvanthanh@huaf.edu.vn
	Trần Quang Khánh Vân	1970	ThS, UV BTV CĐ trường, Chủ tịch CĐBP	0908397551	tranquangkhanhvan@huaf.edu.vn
	Ngô Thị Phương Anh	1972	ThS, UV BTV CĐ trường, Chủ tịch CĐBP	0838370103	ngothiphuonganh@huaf.edu.vn
	Nguyễn Xuân Cảnh	1981	KS, UV BTV CĐ trường, Chủ tịch CĐBP	0914313604	nxcanh@huaf.edu.vn
	Đặng Thị Thu Hiền	1968	ThS, UV BTV CĐ trường, Chủ tịch CĐBP	0905570121	dangthithuhien@huaf.edu.vn
	Trần Thị Thu Hồng	1967	PGS.TS, UV BTV CĐ trường, Chủ tịch CĐBP	0983292555	tranthithuhong@huaf.edu.vn
	Thái Doãn Hùng	1980	ThS, UV BTV CĐ trường, Chủ tịch CĐBP	0983116241	thaidoanhung@huaf.edu.vn
	Lê Thị Mai Hương	1980	CN, UV BTV CĐ trường, Phó Chủ tịch CĐBP	0933776869	lethimaihuong@huaf.edu.vn
	Phạm Thị Thanh Phúc	1982	ThS, UV BTV CĐ trường, CB VP CĐ trường	0834314494	phamthithanhphuc@huaf.edu.vn
	Trần Minh Quang	1983	ThS, UV BTV CĐ trường, Chủ tịch CĐBP	0914458487	tranminhquang@huaf.edu.vn
	Trần Trọng Tấn	1985	ThS, UV BTV CĐ trường, Chủ tịch CĐBP	0905602568	trantrongtan@huaf.edu.vn
	Hồ Sỹ Vương	1982	ThS, UV BTV CĐ trường, Chủ tịch CĐBP	0816580905	hosyvuong@huaf.edu.vn
2.3 Đoàn TNCS HCM					
	Lê Chí Hùng Cường	1987	ThS, GV, Bí thư Đoàn TNCS HCM	0906534222	lechihungcuong@huaf.edu.vn
	Nguyễn Tiến Nhật	1988	ThS, GV, Phó Bí thư Đoàn TNCS HCM	0984734538	nguyentienhat@huaf.edu.vn
	Dương Viết Tân	1989	ThS, GV, Phó Bí thư Đoàn TNCS HCM	0907796386	duongviettan@huaf.edu.vn
	Nguyễn Ngọc Thanh	1990	ThS, GV, Phó Bí thư Đoàn TNCS HCM	0915102747	nguyenngocthanh@huaf.edu.vn
	Trần Thanh Hải	1986	ThS, GV, UV BTV	0912276055	tranthanhhai@huaf.edu.vn
	Nguyễn Quang Cơ	1985	TS, GV, UV BTV	0914848365	nguyenquangco@huaf.edu.vn
	Trần Nguyên Ngọc	1985	ThS, GV, UV BTV	0913630765	trannguyenngoc@huaf.edu.vn

Thông tin	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
Đoàn TNCS HCM	Vũ Thị Thùy Trang	1985	ThS, GV, UV BTV	0905925902	vuthithuytrang@huaf.edu.vn
	Phạm Trần Kim Chi	1992	ThS, Cán bộ, UV BTV	0965035500	phamtrankimchi@huaf.edu.vn
	Nguyễn Quốc Huy	1988	ThS, GV, UV BCH	0914958795	nguyenquochuy@huaf.edu.vn
	Nguyễn Trần Tiểu Phụng	1994	ThS, GV, UV BCH	0977781223	nguyentrantieuphung@huaf.edu.vn
	Hoàng Hữu Tinh	1985	TS, GV, UV BCH	0987960907	hoanghuutinh@huaf.edu.vn
	Dương Quốc Nôn	1990	ThS, GV, UV BCH	0979391766	duongquocnon@huaf.edu.vn
	Nguyễn Như Bảo Việt	1992	ThS, GV, UV BCH	0935960935	nguyennhubaoviet@huaf.edu.vn
	Hoàng Thảo Nguyên	1996	Sinh viên, UV BCH	0334017528	14L1031217@huaf.edu.vn
	Trần Quang Nam	1997	Sinh viên, UV BCH	0387525079	15L3051051@huaf.edu.vn
	Trần Minh Tinh	1994	Sinh viên, UV BCH	0344541622	tinhchidoanbichtan@gmail.com
	Hoàng Anh Cầm	1996	Sinh viên, UV BCH	0345843985	hoanganhcam@gmail.com
	Nguyễn Lê Thảo Nhi	1996	Sinh viên, UV BCH	0363891800	14L4011257@huaf.edu.vn
	Hà Thị Đông	1996	Sinh viên, UV BCH	0357177938	hathidongcncp48c@gmail.com
	Nguyễn Đức Thành	1989	Sinh viên, UV BCH	0345982619	nguyenducthanh.tntp@gmail.com
	Võ Thị Minh Thảo	1997	Sinh viên, UV BCH	0968076824	15L3081227@huaf.edu.vn
	Trần Công Bảo	1997	Sinh viên, UV BCH	0379871732	baotrandhqb@gmail.com
	Võ Bá Quân	1995	Sinh viên, UV BCH	0378242982	14L3071168@huaf.edu.vn
	Nguyễn Văn Phước	1997	Sinh viên, UV BCH	0377889934	phuocnguyen310897@gmail.com
2.4 Hội Sinh viên					
	Nguyễn Ngọc Thanh	1990	ThS, GV, Chủ tịch Hội sinh viên	0915102747	nguyennngocthanh@huaf.edu.vn
	Đỗ Thị Thu Ái	1993	ThS, GV, Phó Chủ tịch Hội sinh viên	0354551766	dothithuai@huaf.edu.vn
	Phạm Trần Kim Chi	1992	ThS, Cán bộ	0965035500	phamtrankimchi@huaf.edu.vn

Thông tin	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
Hội Sinh viên (tt)	Nguyễn Đình Hữu Đường	1998	Sinh viên PTNT 50A, Phó chủ tịch HSV		16L4021023@huaf.edu.vn
	Nguyễn Vũ Bảo Châu	1999	Sinh viên PTNT 51A	0845950059	17L4021026@huaf.edu.vn
	Hoàng Văn Nam	1998	Sinh viên Bảo vệ thực vật 51	0366047058	17L3021029@huaf.edu.vn
	Nguyễn Ngọc Lâm	2000	Sinh viên Nông học 52	0367231400	18L3091029@huaf.edu.vn
	Huỳnh Thị Thanh Nhân	1998	Sinh viên Nông học 50	0349702193	huynhthithanhnhan.10t2@gmail.com
	Lê Thị Thanh Huyền	1997	Sinh viên Thú Y 49GF	0972931094	15L3071081@huaf.edu.vn
	Nguyễn Thị Thu Thảo	1998	Sinh viên Chăn nuôi 50GF	0384194777	16L3061165@huaf.edu.vn
	Lê Minh Quang	2000	Sinh viên Thú Y 52	0963187429	18L3071160@huaf.edu.vn
	Hoàng Thị Kim Oanh	1998	Sinh viên QLĐĐ 50	0344221479	16L4011078@huaf.edu.vn
	Lê Đăng Linh	2000	Sinh viên QLĐĐ 52B	0964480103	18L4011137@huaf.edu.vn
	Trần Văn Quốc Đạt	1999	Sinh viên CBL5 51	0977976321	17L3121002@huaf.edu.vn
	Trần Viết Minh Tài	2000	Sinh viên Quản lý tài nguyên rừng 52	0966682906	18L3111010@huaf.edu.vn
	Nguyễn Trường An	1998	Sinh viên NTTS 50		16L3081001@huaf.edu.vn
	Ngô Quốc Duẩn	1999	Sinh viên QL nguồn lợi TS 51	0968906549	ngoquocduan.nlts51@huaf.edu.vn
	Đoàn Thiện Nhã	2000	Sinh viên NTTS 52A	0947100540	18L3081188@huaf.edu.vn
	Huỳnh Nhật Vinh	1997	Sinh viên KT CSHT 49	0336049001	15L3161045@huaf.edu.vn
	Trần Thị Thùy Linh	1997	Sinh viên CNTP 49C	0369448496	15L1031084@huaf.edu.vn
	Nguyễn Đức Măng	1999	Sinh viên Cơ điện tử 51	0905335361	17L1041084@huaf.edu.vn
3. Các phòng chức năng					
Phòng Tổ chức - Hành chính	Nguyễn Tiến Long	1976	TS, Phó trưởng phòng phụ trách	0914415198	tienlong@huaf.edu.vn
	Dương Văn Thành	1981	ThS, Phó trưởng phòng	0988953198	duongvanthanh@huaf.edu.vn

Thông tin	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
Phòng Đào tạo	Ngô Tùng Đức	1976	TS, Trưởng phòng	0989686739	ngotungduc@huaaf.edu.vn
	Nguyễn Tiến Long	1977	TS, Phó trưởng phòng	0962233160	nguyentienlong@huaaf.edu.vn
	Trần Văn Tỷ	1976	TS, Phó trưởng phòng	0914249649	hoangnguyen@huaaf.edu.vn
Phòng Công tác sinh viên	Trần Võ Văn May	1981	ThS, Trưởng phòng	0914215925	tranvovanmay@huaaf.edu.vn
	Nguyễn Nam Quang	1984	ThS, Phó trưởng phòng	0905376055	nguyennamquang@huaaf.edu.vn
	Thái Doãn Hùng	1980	ThS, Phó trưởng phòng	0983116241	thaidoanhung@huaaf.edu.vn
Phòng Khảo thí &ĐBCLGD	Phạm Hồng Sơn	1961	PGS.TS, Trưởng phòng	0914193443	sonphdhnl@huaaf.edu.vn
	Nguyễn Văn Đức	1980	TS, Phó trưởng phòng	0963327755	nguyenvanduc@huaaf.edu.vn
Phòng Khoa học công nghệ - HTQT	Phạm Hữu Tỵ	1978	TS, Trưởng phòng	0934810567	phamhuuty@huaaf.edu.vn
	Nguyễn Hồ Lam	1983	TS, Phó trưởng phòng	0916292135	nguyenholam@huaaf.edu.vn
Phòng Kế hoạch – Tài chính	Trần Văn Quý	1979	ThS, Trưởng phòng	0914125152	tranvanquy@huaaf.edu.vn
	Nguyễn Minh Tuấn	1983	ThS, Phó trưởng phòng		nguyenminhtuan@huaaf.edu.vn
Phòng Cơ sở vật chất	Nguyễn Thanh Long	1960	ThS, Trưởng phòng	0914114861	nguyenthahlong@huaaf.edu.vn
	Nguyễn Thị Ngọc	1980	ThS, Phó trưởng phòng	0987366956	nguyenthingoc@huaaf.edu.vn
4. Các trung tâm (TT)/Viện trực thuộc					
Trung tâm Thông tin – Thư viện	Nguyễn Thúc Phúc	1973	ThS, Giám đốc	0985005175	nguyenthucphuc@huaaf.edu.vn
	Nguyễn Duy Ngọc Tân	1989	ThS, Phó giám đốc	0985910199	nguyennngoctan@huaaf.edu.vn
Viện Nghiên cứu phát triển	Ngô Mậu Dũng	1975	ThS, Viện trưởng	0935299255	ngomaudung@huaaf.edu.vn
	Nguyễn Khoa Huy Sơn	1971	KS, Phó viện trưởng	0914002169	nguyenkhoahuyson@huaaf.edu.vn
TT. Phát triển nông thôn miền Trung	Trương Quang Hoàng	1973	TS, GV, Giám đốc Trung tâm	0905365135	truongquanghoang@huaaf.edu.vn

Thông tin	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
TT. NCKH & Chuyển giao công nghệ Nông Lâm nghiệp	Lê Văn An	1961	PGS.TS, Giám đốc Trung tâm	0914126988	levanan@huaf.edu.vn
TT. Nghiên cứu Biến đổi khí hậu miền Trung	Hồ Thanh Hà	1971	TS, GV, Giám đốc Trung tâm	0989639171	hothanhha@huaf.edu.vn
Trung tâm Tin học	Lê Văn An	1961	PGS.TS, Giám đốc Trung tâm	0914126988	levanan@huaf.edu.vn
5. Các Khoa trực thuộc					
Khoa Cơ bản	Nguyễn Đăng Nhật	1982	ThS, Trưởng khoa	0906555700	nhatnguyendang@huaf.edu.vn
	Trần Thị Thùy Hương	1983	ThS, Phó Trưởng khoa	0905997686	tranthithuyhuong@huaf.edu.vn
Khoa Cơ khí – Công nghệ	Nguyễn Văn Toàn	1972	PGS.TS, Trưởng khoa	0935966123	nguyenvantoan@huaf.edu.vn
	Phạm Việt Hùng	1977	TS, Phó trưởng khoa	0946126068	phamviethung@huaf.edu.vn
	Nguyễn Văn Huế	1979	TS, Phó trưởng khoa	0914078868	nguyenvanhue79@huaf.edu.vn
Khoa Chăn nuôi – Thú y	Nguyễn Xuân Bả	1961	PGS.TS, Trưởng khoa	0913411708	nguyensexuanba@huaf.edu.vn
	Trần Quang Vui	1967	TS, Phó trưởng khoa	0914426333	tranquangvui@huaf.edu.vn
	Nguyễn Hữu Văn	1968	PGS.TS, Phó trưởng khoa	0914620009	nguyenhuvuan@huaf.edu.vn
Khoa Khuyến nông & Phát triển nông thôn	Nguyễn Viết Tuấn	1963	PGS.TS, Trưởng khoa	0914172891	nguyenviettuan@huaf.edu.vn
	Nguyễn Trọng Dũng	1965	ThS, Phó trưởng khoa	0979033886	nguyentrongdung@huaf.edu.vn
	Lê Thị Hoa Sen	1974	PGS.TS, Phó trưởng khoa	0912992712	lethihoasen@huaf.edu.vn

Thông tin	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
Khoa Lâm nghiệp	Đặng Thái Dương	1964	PGS.TS, Trưởng khoa	0914114723	dangthaiduong@huaf.edu.vn
	Hoàng Huy Tuấn	1969	TS, Phó trưởng khoa	0914263761	hoanghuytuan@huaf.edu.vn
	Trần Nam Thắng	1975	PGS.TS, Phó trưởng khoa	0912950064	trannamthang@huaf.edu.vn
Khoa Nông học	Trần Đăng Hòa	1971	GS.TS, Trưởng khoa	0905530397	trandanghoa@huaf.edu.vn
	Lê Như Cương	1974	TS, Phó trưởng khoa	0914242922	lecuong@huaf.edu.vn
	Trần Thị Thu Hà	1972	PGS.TS, Phó trưởng khoa	0905975101	tranha@huaf.edu.vn
Khoa Tài nguyên đất & Môi trường nông nghiệp	Nguyễn Hữu Ngừ	1977	PGS.TS, Trưởng khoa	0944948585	nguyenhuunguwx@huaf.edu.vn
	Nguyễn Thị Hải	1979	TS, Phó trưởng khoa	0914696364	nguyenthihai79@huaf.edu.vn
	Nguyễn Văn Bình	1977	TS, Phó trưởng khoa	0914193654	nguyenvanbinh@huaf.edu.vn
Khoa Thủy sản	Lê Văn Dân	1964	PGS.TS, Trưởng khoa	0914204171	ledan@huaf.edu.vn
	Nguyễn Ngọc Phước	1974	TS, Phó trưởng khoa	0962135574	nguyennngocphuoc@huaf.edu.vn
	Nguyễn Duy Quỳnh Trâm	1976	PGS.TS, Phó trưởng khoa	0483539723	nguyenduyquynhtram@huaf.edu.vn

4.1.2. Phân loại cán bộ theo diện cơ hữu/hợp đồng

STT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu² Trong đó:	217	199	416
I.1	Cán bộ trong biên chế	207	187	394
I.2	Cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	10	12	22
II	Các cán bộ khác Hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng ³)			51
	Tổng số			467

4.1.3. Phân loại giảng viên theo trình độ

Số TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng giảng viên	Giảng viên cơ hữu			Giảng viên thỉnh giảng trong nước	Giảng viên quốc tế
			Giảng viên trong biên chế trực tiếp giảng dạy	Giảng viên hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	Giảng viên kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư	2	2		1	3	
2	Phó giáo sư	41	41		27	20	
3	Tiến sĩ khoa học	0	0		0		
4	Tiến sĩ	104	104		54	25	
5	Thạc sĩ	156	156		30	3	
6	Đại học	25	25				
7	Cao đẳng (nếu có)	0	0				
	Tổng số	285	285		84	51	

²Cán bộ cơ hữu là cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên trong biên chế (đối với các trường công lập) và cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) hoặc cán bộ hợp đồng không xác định thời hạn theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

³Giảng viên thỉnh giảng là cán bộ ở các cơ quan khác hoặc cán bộ nghỉ hưu hoặc diện tự do được nhà trường mời tham gia giảng dạy theo những chuyên đề, khoá học ngắn hạn, môn học, thông thường được ký các hợp đồng thời vụ, hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm) theo quy định của Luật lao động sửa đổi

4.2. Về người học (Thống kê, phân loại số lượng người nhập học trong 3 năm gần đây)

Đơn vị: người

Đối tượng	2016-2017	2017-2018	2018-2019	Tổng số người học hiện tại
1. Nghiên cứu sinh	11	20	6	48
2. Học viên cao học	314	217	240	457
3. Sinh viên đại học	1520	1203	819	5388
Trong đó:				
Hệ chính quy				5308
Hệ không chính quy				80
4. Sinh viên cao đẳng (nếu có)	133	55		53
Trong đó:				
Hệ chính quy	133	55		53
Hệ không chính quy				
5. Học sinh TCCN (nếu có)				
Trong đó:				
Hệ chính quy				
Hệ không chính quy				
6. Khác...				
Tổng				

4.3. Về Chương trình đào tạo

TT	Tên chương trình đào tạo	Tên ngành đào tạo	Loại hình đào tạo	Số lượng người học hiện tại
I	Đại học			
1.	Bất động sản	Bất động sản	Chính quy	62
2.	Sinh học ứng dụng	Sinh học ứng dụng	Chính quy	14
3.	Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm	Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm	Chính quy	50
4.	Công nghệ sau thu hoạch	Công nghệ sau thu hoạch	Chính quy	79
5.	Kỹ thuật cơ - điện tử	Kỹ thuật cơ - điện tử	Chính quy	263
6.	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Chính quy	166
7.	Lâm học	Lâm học	Chính quy	109
8.	Lâm nghiệp đô thị	Lâm nghiệp đô thị	Chính quy	17
9.	Quản lý tài nguyên rừng	Quản lý tài nguyên rừng	Chính quy	80
10.	Nuôi trồng thủy sản	Nuôi trồng thủy sản	Chính quy	576
11.	Quản lý thủy sản	Quản lý thủy sản	Chính quy	51
12.	Bệnh học thủy sản	Bệnh học thủy sản	Chính quy	68
13.	Khoa học cây trồng	Khoa học cây trồng	Chính quy	216
14.	Bảo vệ thực vật	Bảo vệ thực vật	Chính quy	158
15.	Nông học	Nông học	Chính quy	91
16.	Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan	Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan	Chính quy	47
17.	Chăn nuôi	Chăn nuôi - Thú y	Chính quy	495
18.	Thú y	Thú y	Chính quy	983
19.	Công nghệ thực phẩm	Công nghệ thực phẩm	Chính quy	767
20.	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	Chính quy	96
21.	Công nghệ chế biến lâm sản	Công nghệ chế biến lâm sản	Chính quy	36

TT	Tên chương trình đào tạo	Tên ngành đào tạo	Loại hình đào tạo	Số lượng người học hiện tại
22.	Khuyến nông	Khuyến nông - Phát triển nông thôn	Chính quy	25
23.	Phát triển nông thôn	Phát triển nông thôn	Chính quy	309
24.	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	Chính quy	
25.	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	Chính quy	356
26.	Công thôn	Công thôn	Chính quy	
27.	Khoa học đất	Khoa học đất	Chính quy	
II	Thạc sĩ			457
1.	Chăn nuôi	Chăn nuôi	Chính quy	6
2.	Khoa học cây trồng	Khoa học cây trồng	Chính quy	33
3.	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	Chính quy	304
4.	Lâm học	Lâm học	Chính quy	50
5.	Phát triển nông thôn	Phát triển nông thôn	Chính quy	28
6.	Thú y	Thú y	Chính quy	4
7.	Bảo vệ thực vật	Bảo vệ thực vật	Chính quy	3
8.	Nuôi trồng thủy sản	Nuôi trồng thủy sản	Chính quy	4
9.	Công nghệ thực phẩm	Công nghệ thực phẩm	Chính quy	25
III	Tiến sĩ			48
1.	Chăn nuôi	Chăn nuôi	Chính quy	15
2.	Khoa học cây trồng	Khoa học cây trồng	Chính quy	7
3.	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	Chính quy	10
4.	Lâm sinh	Lâm sinh	Chính quy	7
5.	Phát triển nông thôn	Phát triển nông thôn	Chính quy	5
6.	Thú y	Thú y	Chính quy	1
7.	Bảo vệ thực vật	Bảo vệ thực vật	Chính quy	1

TT	Tên chương trình đào tạo	Tên ngành đào tạo	Loại hình đào tạo	Số lượng người học hiện tại
8.	Nuôi trồng thủy sản	Nuôi trồng thủy sản	Chính quy	2
IV	Trình độ khác (nếu có)			
	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	Liên thông đại học	87
	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	Văn bằng 2	87
	Chăn nuôi	Chăn nuôi - Thú y	Liên thông đại học	21
	Chăn nuôi	Chăn nuôi - Thú y	Cao đẳng	35
	Lâm học	Lâm nghiệp	Liên thông đại học	56
	Nuôi trồng thủy sản	Nuôi trồng thủy sản	Cao đẳng	18
Tổng				5923

4.4. Về Nghiên cứu khoa học (tính 3 năm gần nhất đến thời điểm báo cáo)

Năm	Số lượng bài báo trong nước	Số lượng bài báo quốc tế	Số lượng đề tài cấp cơ sở	Số lượng đề tài cấp Bộ	Số lượng đề tài cấp Nhà nước hoặc tương đương
2016 - 2017	68	34	16	8	1
2017 - 2018	42	39	15	8	1
2018 - 2019	148	73	21	5	1

Phần II: ĐÁNH GIÁ GIỮA KỲ

* Nhà trường tóm tắt các vấn đề mà Nhà trường cần cải tiến chất lượng theo các khuyến nghị của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài và của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục (bám sát Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn và Nghị quyết của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục).

** Nhà trường nêu các hoạt động cải tiến chất lượng đã triển khai và kết quả thực hiện, kèm theo mã minh chứng. Minh chứng được lưu trữ tại trường để phục vụ kiểm tra, đánh giá nếu cần. Nên viết ngắn gọn về các hoạt động cải tiến chất lượng đã thực hiện trong đó bám sát các điểm tồn tại đã nêu trong Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn và Nghị quyết của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục.

*** Nhà trường nêu các lĩnh vực cần cải tiến chất lượng trong nửa kỳ tiếp theo, tham khảo thêm các yêu cầu của bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo **Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT** ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Tiêu chuẩn/Tiêu chí (Trình bày lần lượt theo các tiêu chuẩn và tiêu chí)	Kết quả KĐCL GD (Đạt /Chưa đạt)	Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng theo khuyến nghị của Đoàn đánh giá ngoài và của Hội đồng KĐCLGD*	Các hoạt động cải tiến chất lượng đã thực hiện và kết quả (kèm theo mã minh chứng)**	Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng trong nửa kỳ tiếp theo***
Tiêu chuẩn 1. Sứ mạng và mục tiêu của trường đại học				
Tiêu chí 1.1	Đạt	Nhà trường nên sử dụng thống nhất một tuyên bố tại một thời điểm; tiếp tục tổ chức thảo luận rộng rãi về sứ mạng, thông qua các tổ chức trong Trường nhằm tranh thủ trí tuệ của tập thể cán bộ, GV và phổ biến sâu rộng cho các bên liên quan như: SV, phụ huynh, các doanh nghiệp đối tác, các cơ quan quản lý và xã hội.	- Nhà trường đã bổ sung, thống nhất sứ mạng vào Chiến lược phát triển của Trường Đại học Nông Lâm giai đoạn 2016 – 2020 và tầm nhìn đến 2025 (bản sửa đổi tháng 3/2017) [MCGK.01] - Đã xây dựng Báo cáo thường niên Trường Đại học Nông Lâm, Đại học	- Tiếp tục công bố và phổ biến sứ mạng của Nhà trường đến các bên liên quan. - Thảo luận, lấy ý kiến các bên liên quan về điều chỉnh sứ mạng phát triển của Nhà trường trong giai đoạn mới.

Tiêu chuẩn/Tiêu chí <i>(Trình bày lần lượt theo các tiêu chuẩn và tiêu chí)</i>	Kết quả KĐCL GD (Đạt /Chưa đạt)	Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng theo khuyến nghị của Đoàn đánh giá ngoài và của Hội đồng KĐCLGD*	Các hoạt động cải tiến chất lượng đã thực hiện và kết quả (kèm theo mã minh chứng)**	Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng trong nửa kỳ tiếp theo***
			Huế trong đó tuyên bố thống nhất sứ mạng của Trường [MCGK.02]	
Tiêu chí 1.2	Đạt	Nhà trường nên nghiên cứu kỹ lưỡng về mục tiêu giáo dục trong Luật giáo dục, Luật giáo dục đại học và Nghị quyết 29-NQ/TW ngày 04/11/2013, tổ chức thảo luận rộng rãi trong cán bộ GV, xác định và tuyên bố mục tiêu phù hợp với sứ mạng, quy định của các văn bản luật và định hướng phát triển của Nhà trường trong giai đoạn tới. Đặc biệt chú trọng ý tưởng căn bản của đổi mới giáo dục đào tạo theo Nghị quyết 29 là “phát triển năng lực” cho người học thay cho việc chỉ cung cấp kiến thức và kỹ năng nghiệp vụ. Tuy Nhà trường bước đầu đã thực hiện chủ trương này tại văn bản công bố sứ mạng và mục tiêu giáo dục và trách nhiệm xã hội nhưng mục tiêu tổng quát vẫn mang màu sắc của tuyên bố về tầm nhìn đối với Nhà trường mà chưa phải là mục tiêu giáo dục.		- Đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu giáo dục của Nhà trường và điều chỉnh mục tiêu giáo dục để phù hợp với Luật Giáo dục đại học sửa đổi năm 2018.

Tiêu chuẩn/Tiêu chí <i>(Trình bày lần lượt theo các tiêu chuẩn và tiêu chí)</i>	Kết quả KĐCLGD (Đạt /Chưa đạt)	Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng theo khuyến nghị của Đoàn đánh giá ngoài và của Hội đồng KĐCLGD*	Các hoạt động cải tiến chất lượng đã thực hiện và kết quả (kèm theo mã minh chứng)**	Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng trong nửa kỳ tiếp theo***
Tiêu chuẩn 2. Tổ chức và quản lí				
Tiêu chí 2.1	Đạt	Xem lại việc thành lập các tổ trong các phòng có phù hợp với các quy định của pháp luật không.	Nhà trường đã làm việc với Ban Tổ chức cán bộ ĐHH, Bảo hiểm xã hội tỉnh xác định tổ để xác định vị trí, quyền lợi tổ trực thuộc phòng và thống nhất thành lập các tổ, cử tổ trưởng là đúng quy định nhưng được hưởng chế độ phụ trách nhiệm (biên bản kèm theo) MCGK.04)	Tiếp tục rà soát cơ cấu tổ chức đảm bảo hợp lý, đúng luật
		Ban chấp hành Hội Cựu SV nên đổi thành Ban liên lạc cựu SV hoặc một tên khác cho phù hợp, chính danh và đúng quy định.	Đã quyết định thành lập BCH hội Cựu sinh viên và tổ chức các hoạt động với nhà trường [MCGK.05]	Rà soát để xây dựng điều lệ, chương trình hoạt động phù hợp với quy định Thành lập đầy đủ BCH tại các tỉnh để bám sát quá trình liên lạc, công tác.
		Cần thực hiện đánh giá sự phù hợp và hiệu quả của cơ cấu tổ chức hiện hành.	Nhà trường đã ban hành và tổ chức đánh giá cán bộ giữa nhiệm kỳ cho toàn thể cán bộ lãnh đạo đảng từ bí thư chi bộ trở lên, cán bộ lãnh đạo các	Tổ chức đánh giá các đơn vị theo cơ cấu tổ chức

Tiêu chuẩn/Tiêu chí (Trình bày lần lượt theo các tiêu chuẩn và tiêu chí)	Kết quả KĐCLGD (Đạt /Chưa đạt)	Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng theo khuyến nghị của Đoàn đánh giá ngoài và của Hội đồng KĐCLGD*	Các hoạt động cải tiến chất lượng đã thực hiện và kết quả (kèm theo mã minh chứng)**	Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng trong nửa kỳ tiếp theo***
			tổ chức đoàn thể, cán bộ quản lý từ cấp phó trưởng khoa và tương đương trở lên số 01-QĐ/ĐU ngày 28/7/2017) [MCGK.06].	
Tiêu chí 2.2	Đạt	Nhà trường nên kiến nghị ĐH Huế ban hành quy định về đào tạo các môn chung về Khoa học Mác Lê-nin, Giáo dục thể chất, Khoa học cơ bản và ngoại ngữ để các trường ĐH thành viên có văn bản thống nhất chỉ đạo các hoạt động, phù hợp với các điều kiện đặc thù của mình. Nhà trường cần tăng cường ứng dụng CNTT trong tiếp nhận, xử lý, ban hành, lưu trữ hệ thống văn bản điều hành, quản lý.	ĐHH đã tổ chức cuộc họp liên quan đến việc đào tạo các môn học chung nhưng chưa ban hành các quy định. Đã sử dụng phần mềm quản lý của nhà trường trong tiếp nhận, xử lý, lưu trữ văn bản.	Tiếp tục đề xuất ĐHH ban hành quy định đào tạo các môn học chung. Tăng cường sự hỗ trợ, phối hợp của bộ phận công nghệ thông tin và các đơn vị trong nhà trường về việc khai thác, sử dụng các chức năng của phần mềm cho hoạt động cụ thể của từng đơn vị
Tiêu chí 2.3	Đạt	Nhà trường nên định kỳ thực hiện khảo sát lấy ý kiến của CBVC, người học về phân định chức năng, nhiệm vụ liên quan đến các bộ phận, đối tượng về sự hài lòng, hiệu quả công việc và có chính sách sử dụng ý kiến phản hồi để từ đó có sự điều chỉnh phù hợp	Đã tổ chức đánh giá cán bộ giữa nhiệm kỳ cho toàn thể cán bộ lãnh đạo đảng từ bí thư chi bộ trở lên, cán bộ quản lý từ cấp phó trưởng phòng, tổ trưởng tổ công tác, giám đốc, phó giám đốc các viện, trung tâm trở lên	Tổ chức lấy ý kiến của người học về chức năng, nhiệm vụ các bộ phận liên quan

Tiêu chuẩn/Tiêu chí (Trình bày lần lượt theo các tiêu chuẩn và tiêu chí)	Kết quả KĐCLGD (Đạt /Chưa đạt)	Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng theo khuyến nghị của Đoàn đánh giá ngoài và của Hội đồng KĐCLGD*	Các hoạt động cải tiến chất lượng đã thực hiện và kết quả (kèm theo mã minh chứng)**	Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng trong nửa kỳ tiếp theo***
		làm tăng tính hiệu quả hoạt động của các bộ phận trong Nhà trường.	(MCGK.06 số 01-QĐ/ĐU ngày 28/7/2017)	
Tiêu chí 2.4	Đạt	Nhà trường cần thường xuyên lấy ý kiến đánh giá hàng năm về chất lượng hoạt động của các tổ chức Đảng đoàn thể và có các cải thiện chất lượng các hoạt động.	Đã tổ chức đánh giá hằng năm theo quy định về đánh giá, phân loại, thi đua, khen thưởng hằng năm (MCGK.07, Các văn bản)	Xây dựng quy định và cách thức tổ chức đánh giá các tổ chức đảng, đoàn thể từ các đơn vị nhà trường
Tiêu chí 2.5	Đạt	Nhà trường cần sớm xây dựng và ban hành Sổ tay đảm bảo chất lượng nhằm hướng dẫn các bộ phận trong Trường và CBVC thực hiện các hoạt động đảm bảo chất lượng; các kế hoạch đảm bảo chất lượng cần được phê duyệt để tăng tính hiệu lực thực hiện. Nhà trường cần thiết lập mạng lưới cộng tác viên của Phòng KT&ĐBCLGD tới cấp khoa, bộ môn để tăng cường nhân lực, đội ngũ thực hiện tốt công tác này trong thời gian sắp tới. Nhà trường cần cử đi đào tạo thạc sỹ hoặc tuyển dụng cán bộ chuyên trách đảm bảo chất	Các đơn vị đã gửi kế hoạch cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài và cử cán bộ làm đầu mối [MCGK.08]	Phòng KT&ĐBCLGD xây dựng sổ tay đảm bảo chất lượng và hướng dẫn việc thực hiện sổ tay

Tiêu chuẩn/Tiêu chí (Trình bày lần lượt theo các tiêu chuẩn và tiêu chí)	Kết quả KĐCL GD (Đạt /Chưa đạt)	Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng theo khuyến nghị của Đoàn đánh giá ngoài và của Hội đồng KĐCLGD*	Các hoạt động cải tiến chất lượng đã thực hiện và kết quả (kèm theo mã minh chứng)**	Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng trong nửa kỳ tiếp theo***
		lượng được đào tạo đúng chuyên ngành về Đo lường - đánh giá trong giáo dục.		
Tiêu chí 2.6	Đạt	Nhà trường cần xây dựng các kế hoạch 5 năm và kế hoạch nhiệm vụ hàng năm về tất cả các hoạt động của Nhà trường và cần được phê duyệt của Ban Giám hiệu Trường và phải được triển khai đến các đơn vị trong Trường để thực hiện. Đồng thời, Nhà trường cũng cần tăng cường giám sát việc thực hiện kế hoạch chiến lược, kế hoạch hàng năm, hàng tháng với các chỉ tiêu có tính pháp lý. Cần nâng cao năng lực trong công tác lập kế hoạch và quản lý chiến lược.	Hiệu trưởng đã ban hành Quyết định số 419/QĐ-ĐHNL ngày 05/3/2017 về ban hành kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Nông Lâm - Đại học Huế giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn đến 2030 [MCGK.09]	Tăng cường giám sát, đánh giá việc thực hiện 7 nhóm nhiệm vụ trọng tâm để có hướng điều chỉnh theo định hướng đơn vị tự chủ
Tiêu chí 2.7	Đạt	Nhà trường cần nghiên cứu, tổ chức công tác xử lý hồ sơ, công văn, lưu trữ một cách khoa học, phù hợp thông qua việc hoàn thiện và tăng cường sử dụng phần mềm quản lý và tra cứu văn bản đã có. Nhà trường nên áp dụng tiêu chuẩn ISO trong quản lý, sử dụng hệ thống E-office trong toàn Trường. Nhà trường cần bồi dưỡng, nâng cao nghiệp vụ xử	Đã ứng dụng phần mềm quản lý của nhà trường trong tiếp nhận, xử lý, lưu trữ văn bản. Ứng dụng phần mềm cấp giấy đi đường tự động	Tăng cường sự hỗ trợ, phối hợp của bộ phận công nghệ thông tin và các đơn vị trong nhà trường về việc khai thác, sử dụng các chức năng của phần mềm cho hoạt động cụ thể của từng đơn vị

Tiêu chuẩn/Tiêu chí <i>(Trình bày lần lượt theo các tiêu chuẩn và tiêu chí)</i>	Kết quả KĐCLGD (Đạt /Chưa đạt)	Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng theo khuyến nghị của Đoàn đánh giá ngoài và của Hội đồng KĐCLGD*	Các hoạt động cải tiến chất lượng đã thực hiện và kết quả (kèm theo mã minh chứng)**	Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng trong nửa kỳ tiếp theo***
		lý, lưu trữ cho cán bộ, nhất là sử dụng CNTT trong văn thư, lưu trữ để nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác này.		
Tiêu chuẩn 3. Chương trình đào tạo				
Tiêu chí 3.1	Đạt	Nhà trường nên xây dựng quy trình chi tiết về việc lấy ý kiến các bên liên quan trong quá trình xây dựng chương trình đào tạo. Nhà trường nên nghiên cứu xây dựng các CTĐT chất lượng cao. Khi mở mới CTĐT, Nhà trường cần tham khảo nhiều hơn các CTĐT của các trường có uy tín trên thế giới và ý kiến của các nhà khoa học nước ngoài có quan hệ hợp tác để cập nhật kiến thức mới của thế giới.	Nhà trường có kế hoạch xây dựng chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Lâm học bằng tiếng Anh [MCGK.10] [MCGK.11] [MCGK.12].	
Tiêu chí 3.2	Đạt	Nhà trường cần có quy định để CTĐT có cấu trúc thống nhất về hình thức, định dạng về chế bản. Nhà trường cần ban hành và công bố công khai trên trang thông tin điện tử của	Nhà Trường đã điều chỉnh chương trình đào tạo theo hướng tăng khối lượng thực tập nghề nghiệp từ 8 tín chỉ lên 12 tín chỉ [MCGK.13].	

Tiêu chuẩn/Tiêu chí (Trình bày lần lượt theo các tiêu chuẩn và tiêu chí)	Kết quả KĐCLGD (Đạt /Chưa đạt)	Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng theo khuyến nghị của Đoàn đánh giá ngoài và của Hội đồng KĐCLGD*	Các hoạt động cải tiến chất lượng đã thực hiện và kết quả (kèm theo mã minh chứng)**	Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng trong nửa kỳ tiếp theo***
		Trường tất cả các CTĐT có kèm theo chuẩn đầu ra và đề cương chi tiết môn học. Cần nghiên cứu điều chỉnh chương trình theo hướng tăng thời lượng thực hành, thực tế và thực tập nghề; cần sớm hoàn thiện để ban hành các CTĐT ĐH hệ VLVH còn lại; cần hoàn thiện CTĐT ĐH chính quy ngành Quản lý đất đai để có duy nhất một chương trình.	Nhà Trường đang hoàn thiện đề ngành Quản lý đất đai có duy nhất một chương trình. Trường tách chuyên ngành Quản lý thị trường Bất động sản trong ngành Quản lý đất đai thành thành ngành mới Bất động sản [MCGK.14][MCGK.15].	
Tiêu chí 3.3	Chưa đạt	Chương trình đào tạo ngành lâm nghiệp không có chuẩn đầu ra. Hiện nay còn 05 CTĐT hệ VLVH chưa được ban hành. Nhà trường cần sớm hoàn thiện để ban hành 05 CTĐT còn lại và công bố công khai các CTĐT hệ VLVH lên trang thông tin điện tử của Trường. Trường cần có giải pháp để nâng cao chất lượng đào tạo của hệ VLVH, đáp ứng chuẩn đầu ra và chất lượng của chương trình.	Nhà Trường đã điều chỉnh cập nhật chương trình năm 2017 cho ngành Lâm nghiệp đáp ứng chuẩn đầu ra của ngành [MCGK.16]. Nhà trường đã tổ chức đào tạo hệ VLVH theo học chế tín chỉ sau khi được Đại học Huế đồng ý. Nhà Trường đã công bố trên trang web của Trường [MCGK.17].	
Tiêu chí 3.4	Đạt	Nhà trường cần tuân thủ quy định việc định kỳ rà soát, điều chỉnh các CTĐT 02 năm/lần theo Thông tư 07/2015/TT-	Nhà Trường đã điều chỉnh, cập nhật tất cả các ngành đào tạo tại Trường theo Thông tư 07/2015/TT-	

Tiêu chuẩn/Tiêu chí <i>(Trình bày lần lượt theo các tiêu chuẩn và tiêu chí)</i>	Kết quả KĐCL GD (Đạt /Chưa đạt)	Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng theo khuyến nghị của Đoàn đánh giá ngoài và của Hội đồng KĐCLGD*	Các hoạt động cải tiến chất lượng đã thực hiện và kết quả (kèm theo mã minh chứng)**	Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng trong nửa kỳ tiếp theo***
		BGDĐT của Bộ GDĐT đối với ngành mới mở. Trong quá trình rà soát cần tham khảo CTĐT của các trường ĐH ở trong hoặc ngoài nước có liên quan, ý kiến của các nhà tuyển dụng lao động, SV tốt nghiệp, nhu cầu thị trường lao động. Đây là những cơ sở quan trọng để điều chỉnh nội dung CTĐT đáp ứng yêu cầu xã hội. Nhà trường cần quan tâm đến việc rà soát, điều chỉnh chương trình ở mọi cấp đào tạo và loại hình đào tạo về chuẩn đầu ra cũng như nội dung CTĐT. Nên có quyết định hành chính về việc tiếp thu các ý kiến góp ý của các bên liên quan về CTĐT và xem đây là một trong những cơ sở để điều chỉnh.	BGDĐT của Bộ GDĐT vào năm 2017 [MCGK.13]. Điều chỉnh các học phần lý luận chính trị theo hướng dẫn mới của Bộ GDĐT và của Đại học Huế [MCGK.18].	
Tiêu chí 3.5	Đạt	Trường cần rà soát lại các CTĐT để tránh trùng lặp môn học giữa bậc học ĐH với cao đẳng, giữa cao học với ĐH và giữa tiến sĩ với cao học. Nên quan tâm đến khả năng liên thông quốc tế của các CTĐT. Chú trọng chuẩn bị các điều kiện cần thiết để mở thêm	Nhà Trường khảo sát nhu cầu nhân lực chất lượng cao ở khu vực miền Trung và Tây nguyên để mở đào tạo ngành Tiến sĩ Công nghệ thực phẩm [MCGK.19] [MCGK.20] [MCGK.21] [MCGK.22].	

Tiêu chuẩn/Tiêu chí <i>(Trình bày lần lượt theo các tiêu chuẩn và tiêu chí)</i>	Kết quả KĐCL GD (Đạt /Chưa đạt)	Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng theo khuyến nghị của Đoàn đánh giá ngoài và của Hội đồng KĐCLGD*	Các hoạt động cải tiến chất lượng đã thực hiện và kết quả (kèm theo mã minh chứng)**	Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng trong nửa kỳ tiếp theo***
		một số chuyên ngành đào tạo SDH trong tương lai.		
Tiêu chí 3.6	Chưa đạt	Nhà trường cần có kế hoạch triển khai việc đánh giá CTĐT theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ GDĐT quy định tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ giáo dục ĐH. Ngoài việc đăng ký kiểm định chất lượng CTĐT với các Trung tâm KĐCLGD, Trường nên chủ động triển khai công tác tự đánh giá các CTĐT để có giải pháp cải tiến chất lượng với những tiêu chí tự nhận thấy chưa đạt. Nên nghiên cứu cải tiến hình thức và nội dung phiếu góp ý kiến của các bên liên quan về CTĐT đặc biệt là với SV năm cuối.	Nhà trường đang thực hiện đánh giá CTĐT cho 7 ngành của Trường. [MCGK.23] [MCGK.24] [MCGK.25] [MCGK.26] Đại học Huế đang thẩm định Báo cáo Tự đánh giá 04 CTĐT trình độ đại học của Trường Đại học Nông Lâm (Nuôi trồng thủy sản, Lâm nghiệp, Khoa học cây trồng và Quản lý đất đai) [MCGK.27].	
Tiêu chuẩn 4. Các hoạt động đào tạo				
Tiêu chí 4.1	Đạt	Nhà trường cần khảo sát và phân tích, dự báo về nhu cầu đào tạo nhân lực lĩnh vực nông, lâm, thủy sản để có chiến lược đào tạo và cấu trúc quy mô ngành nghề phù hợp. Gắn	Đại học Huế đã ban hành Quy định sinh viên học cùng lúc hai chương trình đại học tại các đơn vị đào tạo thuộc Đại học Huế (Quyết định	

Tiêu chuẩn/Tiêu chí (Trình bày lần lượt theo các tiêu chuẩn và tiêu chí)	Kết quả KĐCL GD (Đạt /Chưa đạt)	Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng theo khuyến nghị của Đoàn đánh giá ngoài và của Hội đồng KĐCLGD*	Các hoạt động cải tiến chất lượng đã thực hiện và kết quả (kèm theo mã minh chứng)**	Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng trong nửa kỳ tiếp theo***
		kết giữa năng lực đào tạo của Trường với đặt hàng của các cơ quan, địa phương, doanh nghiệp. Cần nghiên cứu bổ sung thêm một số ngành mà xã hội đang có nhu cầu hiện nay như Đo đạc bản đồ, Kiểm lâm, Quản lý nhà nước về nông, lâm, thủy sản, v.v. theo đề nghị của các nhà tuyển dụng. Cần thông báo các điều kiện đảm bảo chất lượng trong thực hiện đa dạng hóa các hình thức đào tạo, các quy định và thông báo đến các bên liên quan, thông qua phương tiện thông tin đại chúng. Nhà trường cần bám sát sứ mạng và mục tiêu của Nhà trường trong xây dựng một số CTĐT tiên tiến, chất lượng cao; nên xem xét khai thác hiệu quả mô hình ĐH vùng để thực hiện tốt cơ chế phối hợp và triển khai hiệu quả các CTĐT ĐH bằng kép; mở rộng quy mô đào tạo SĐH và liên kết đào tạo quốc tế, thu hút SV quốc tế đến học tập.	666/QĐ-ĐHH ngày 29/5/2018) [MCGK.28] và trường Đại học Nông lâm có quy định về đào tạo cùng lúc hai chương trình QĐ số 1588/QĐ-ĐHNL ngày 25/11/2018 [MCGK.29]. Nhà trường được giao đào tạo và cập nhật CTĐT ngành Kỹ thuật Trắc địa Bản đồ [MCGK.30] [MCGK.31] [MCGK.32]. Nhà trường mở thêm ngành đào tạo Đảm bảo chất lượng và An toàn thực phẩm, Sinh học ứng dụng và Bất động sản [MCGK.33] [MCGK.34] [MCGK.35]. Đào tạo tiến sĩ chuyên ngành chăn nuôi bằng tiếng Anh cho 10 nghiên cứu sinh thuộc chương trình Mekarn [MCGK.36]	

Tiêu chuẩn/Tiêu chí <i>(Trình bày lần lượt theo các tiêu chuẩn và tiêu chí)</i>	Kết quả KĐCL GD (Đạt /Chưa đạt)	Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng theo khuyến nghị của Đoàn đánh giá ngoài và của Hội đồng KĐCLGD*	Các hoạt động cải tiến chất lượng đã thực hiện và kết quả (kèm theo mã minh chứng)**	Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng trong nửa kỳ tiếp theo***
Tiêu chí 4.2	Đạt	Nhà trường nên ban hành kế hoạch chi tiết với lộ trình cụ thể, phù hợp để thực hiện việc chuyển đổi từ đào tạo theo niên chế sang học chế tín chỉ cho tất cả các loại hình đào tạo; cần tổ chức khảo sát chuyên đề với các bên liên quan, tham khảo kinh nghiệm trong nước, quốc tế để có báo cáo đánh giá, phân tích về sự thích hợp, hiệu quả của quy trình chuyển đổi từ đào tạo theo niên chế sang học chế tín chỉ, từ đó có những giải pháp điều chỉnh phù hợp.	Nhà trường đã tổ chức đào tạo hệ VLVH theo hình thức tín chỉ [MCGK.17].	
Tiêu chí 4.3	Đạt	Nhà trường cần tổ chức hoạt động đánh giá GV có tính khách quan và hệ thống hơn, đồng thời phải xây dựng báo cáo phân tích sau đánh giá và có giải pháp cải tiến nâng cao chất lượng. Nhà trường cần chú trọng tổ chức tập huấn và cập nhật cho GV về phương pháp giảng dạy, KTĐG theo hướng phát huy năng lực tự học, tự nghiên cứu và làm việc theo nhóm của người học.	Tất cả giảng đường của nhà trường đã được trang bị máy chiếu.	

Tiêu chuẩn/Tiêu chí <i>(Trình bày lần lượt theo các tiêu chuẩn và tiêu chí)</i>	Kết quả KĐCL GD (Đạt /Chưa đạt)	Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng theo khuyến nghị của Đoàn đánh giá ngoài và của Hội đồng KĐCLGD*	Các hoạt động cải tiến chất lượng đã thực hiện và kết quả (kèm theo mã minh chứng)**	Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng trong nửa kỳ tiếp theo***
Tiêu chí 4.4	Đạt	Nhà trường cần rà soát và đảm bảo tất cả đề cương học phần được thực hiện thống nhất theo quy định về tỷ trọng từng nội dung đánh giá, trong đó có hướng dẫn đánh giá theo các cấp độ nhận thức khác nhau và phải có đầy đủ chữ ký phê duyệt của Khoa, Hiệu trưởng. Cần có cơ chế quy định trách nhiệm quản lý các học phần do GV các trường khác trong ĐH Huế đảm nhiệm. Ngân hàng đề thi được xây dựng theo quy trình khoa học, cần được rà soát, đánh giá về chất lượng của các câu hỏi thi. Cần tổ chức khảo sát chuyên đề lấy ý kiến phản hồi từ người học về các quy trình và phương pháp KTĐG đã thực hiện, từ đó có những điều chỉnh phù hợp để đảm bảo thực hiện khách quan, công bằng.	Nhà trường đã triển khai cập nhật 22 CTĐT theo thông tư 07/2015, và các CTĐT này sẽ được áp dụng cho khóa tuyển sinh 51. Các điểm tồn tại đã được khắc phục [MCGK.13]. Các học phần đều có ngân hàng đề thi [MCGK.37] [MCGK.38]. Nhà trường lấy ý kiến phản hồi của người học qua phần mềm quản lý giáo dục [MCGK.39].	
Tiêu chí 4.5	Đạt	Nhà trường cần có biện pháp quản lý việc công bố kết quả học tập cho người học đối với các học phần chung do các trường thành viên của ĐH Huế đảm nhiệm.	Học phần ngoại ngữ, giáo dục thể chất đã được chuyển về trường đại học ngoại ngữ, giáo dục thể chất được trung tâm giáo dục quốc phòng ĐHH đánh giá và cấp chứng chỉ.	

Tiêu chuẩn/Tiêu chí (Trình bày lần lượt theo các tiêu chuẩn và tiêu chí)	Kết quả KĐCLGD (Đạt /Chưa đạt)	Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng theo khuyến nghị của Đoàn đánh giá ngoài và của Hội đồng KĐCLGD*	Các hoạt động cải tiến chất lượng đã thực hiện và kết quả (kèm theo mã minh chứng)**	Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng trong nửa kỳ tiếp theo***
		Nhà trường cần tiến hành khảo sát các bên liên quan để đánh giá và có giải pháp cải tiến việc công bố kết quả học tập, cấp phát văn bằng theo hướng cải cách thủ tục hành chính, nhanh chóng, kịp thời, chính xác.		
Tiêu chí 4.6	Đạt	Các kết quả thu thập thông tin việc làm của SV sau khi tốt nghiệp cần được xử lý, phân tích để góp phần cải tiến hoạt động đào tạo, CTĐT, thực hành, thực tập và các hình thức hỗ trợ tìm kiếm việc làm cho SV. Nhà trường cần có phương thức thu thập thông tin cựu người học hợp lý, khoa học và hệ thống hơn; xây dựng mạng lưới liên lạc cựu người học để cập nhật, bổ sung thông tin nhanh chóng, thuận lợi.	Phòng CTSV đã thu thập thông tin việc làm của sinh viên tốt nghiệp sau khi tốt nghiệp 06 tháng và 12 theo quy định của Bộ GDĐT [MCGK.40]. Hằng năm đều tiến hành tổ chức ngày hội việc làm có hơn 40 doanh nghiệp tham gia và hơn 2000 chỉ tiêu việc làm cho sinh viên. Từ kết quả khảo sát, xử lý phân tích nhà trường đã tiến hành cải tiến khung chương trình, Chương trình đào tạo từ khóa 51 tuyển sinh năm 2017 [MCGK.41].	Nhà trường tiếp tục thu thập thông tin cựu SV và sẽ phân tích tổng hợp để có báo cáo tổng hợp.
Tiêu chí 4.7	Chưa đạt	Nhà trường cần có hệ thống khoa học để thu thập đầy đủ thông tin đánh giá chất lượng đào tạo đối với tất cả các đối tượng người học sau khi ra trường. Cần phân tích, đánh giá kết	Nhà trường đã giao Phòng Khảo thí và đảm bảo chất lượng giáo dục và Phòng Công tác sinh viên thực hiện khảo sát thu thập thông tin của đối với	Nhà trường tiếp tục thu thập thông tin cựu SV và sẽ phân tích tổng hợp để có phân tích, đánh giá kết quả

Tiêu chuẩn/Tiêu chí <i>(Trình bày lần lượt theo các tiêu chuẩn và tiêu chí)</i>	Kết quả KĐCLGD (Đạt /Chưa đạt)	Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng theo khuyến nghị của Đoàn đánh giá ngoài và của Hội đồng KĐCLGD*	Các hoạt động cải tiến chất lượng đã thực hiện và kết quả (kèm theo mã minh chứng)**	Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng trong nửa kỳ tiếp theo***
		quả thông tin thu thập để xây dựng kế hoạch điều chỉnh hoạt động đào tạo ở tất cả các ngành cho phù hợp với yêu cầu của xã hội.	người học sau khi ra trường làm cơ sở cho việc cập nhật chương trình đào tạo, sau khi tốt nghiệp[MCGK.42]. Căn cứ vào kết quả các cuộc khảo sát, đánh giá để lập kế hoạch hàng năm làm cơ sở để Nhà trường điều chỉnh hoạt động đào tạo theo hướng ngày càng phù hợp, đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp và xã hội, thực hiện tốt sứ mạng và nhiệm vụ được giao [MCGK.43] Phòng Đào tạo tiếp tục phối hợp với Phòng KT&ĐBCLGD và Phòng CTSV tiếp tục khảo sát để thu thập thông tin của các cựu sinh viên, học viên. Căn cứ kết quả, dữ liệu khảo sát và phân tích về tỷ lệ việc làm sinh viên tốt nghiệp được tiến hành với sinh viên tốt nghiệp sau 6 tháng và 12 tháng rất đầy đủ, với từng ngành cụ thể, phòng Đào tạo sẽ có thông tin đầy	thông tin thu thập để xây dựng kế hoạch điều chỉnh hoạt động đào tạo ở tất cả các ngành cho phù hợp với yêu cầu của xã hội.

Tiêu chuẩn/Tiêu chí <i>(Trình bày lần lượt theo các tiêu chuẩn và tiêu chí)</i>	Kết quả KĐCLGD (Đạt /Chưa đạt)	Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng theo khuyến nghị của Đoàn đánh giá ngoài và của Hội đồng KĐCLGD*	Các hoạt động cải tiến chất lượng đã thực hiện và kết quả (kèm theo mã minh chứng)**	Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng trong nửa kỳ tiếp theo***
			đủ, khoa học cho việc nâng cao chất lượng đào tạo của các ngành học.	
Tiêu chuẩn 5. Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên				
Tiêu chí 5.1	Đạt	Nhà trường cần xây dựng các kế hoạch hằng năm với các chỉ tiêu, mốc thời gian và biện pháp cụ thể cho việc xây dựng, phát triển đội ngũ GV và nhân viên phù hợp với chiến lược và định hướng phát triển của Trường trong từng giai đoạn. Bên cạnh đó, Nhà trường cần rà soát, đánh giá kết quả việc thực hiện quy hoạch cán bộ chuyên môn để làm cơ sở cho việc xây dựng các quy hoạch tiếp theo và các kế hoạch bồi dưỡng, phát triển đội ngũ cán bộ này.	Nhà trường đã ban hành quy định về đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ, viên chức trường theo Quyết định số 236/QĐ-ĐHNL ngày 38/3/2016 [MCGK.44]. Hiệu trưởng đã ban hành quyết định rà soát, bổ sung quy hoạch chuyên môn giai đoạn 2016-2020 và 2021-2025 vào tháng 3 năm 2018 [MCGK.45].	Điều chỉnh bổ sung quy định; giám sát đánh giá và thực hiện các quy định với cán bộ. Tăng cường giám sát, đánh giá việc thực hiện bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ từ cấp đơn vị đến cá nhân.
Tiêu chí 5.2	Đạt	Nhà trường cần tổ chức lấy ý kiến rộng rãi của cán bộ, GV, nhân viên trong Trường một cách thực chất hơn thông qua các hình thức	Đã triển khai lấy ý kiến của toàn thể cán bộ, viên chức và lao động trong các hoạt động thông qua hội nghị CBVC&LD 2 lần/năm; Hội nghị thu	Tiếp tục nghiên cứu các phương thức để lấy ý kiến

Tiêu chuẩn/Tiêu chí (Trình bày lần lượt theo các tiêu chuẩn và tiêu chí)	Kết quả KĐCL GD (Đạt /Chưa đạt)	Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng theo khuyến nghị của Đoàn đánh giá ngoài và của Hội đồng KĐCLGD*	Các hoạt động cải tiến chất lượng đã thực hiện và kết quả (kèm theo mã minh chứng)**	Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng trong nửa kỳ tiếp theo***
		khác nhau như góp ý trực tiếp bằng văn bản, các hội nghị, tọa đàm, v.v. Khi có các khiếu nại, tố cáo, Nhà trường cần có những biện pháp kịp thời, thỏa đáng để giải quyết dứt điểm, tránh tình trạng khiếu nại kéo dài, vượt cấp. Nên huy động các tổ chức đoàn thể như Công đoàn/Đoàn TN/Ban nữ công, v.v. tham gia vào việc giải tỏa những vướng mắc về mặt tâm lý, nắm bắt được tốt hơn tâm tư của cán bộ để có các biện pháp giải quyết phù hợp, kịp thời.	trưởng mở rộng 1 lần/quý [MCGK.46] Hiệu trưởng đã ban hành quyết định số 815/QĐ-ĐHNL về việc ban hành quy chế thực hiện dân chủ trong Trường Đại học Nông Lâm [MCGK.47]. Trong những năm qua chưa có khiếu nại, tố cáo	rộng rãi CBVC&LD trong hoạt động. Tăng cường vai trò của công đoàn trường trong việc xây dựng kênh thông tin đóng góp ý kiến của CBVC cho nhà trường. Giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ
Tiêu chí 5.3	Đạt	Nhà trường cần có biện pháp để giám sát thường xuyên việc học tập của GV đi học các chương trình thạc sĩ và tiến sĩ (như công tác báo cáo tiến độ thường xuyên); thực hiện nghiêm chế tài đối với các trường hợp cán bộ, GV được Nhà trường hỗ trợ về tài chính và thời gian để đi đào tạo bồi dưỡng nhưng không hoàn thành nhiệm vụ học tập đúng thời hạn như đã nêu trong Quy định về đào tạo và	Nhà trường đã ban hành quy định về đào tạo, bồi dưỡng; Đã thực hiện đầy đủ các thủ tục, hồ sơ, cam kết khi ban hành quyết định đi học [MCGK.48]. Đã thông báo những người đi học, đi công tác phải báo cáo kết quả, tình hình công tác, học tập và đưa vào	Tăng cường việc trao đổi thông tin, giữa nhà trường với đơn vị đào tạo, đơn vị có cán bộ đến công tác. Báo cáo của cán bộ đi học và đi công tác hằng năm

Tiêu chuẩn/Tiêu chí <i>(Trình bày lần lượt theo các tiêu chuẩn và tiêu chí)</i>	Kết quả KĐCL GD (Đạt /Chưa đạt)	Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng theo khuyến nghị của Đoàn đánh giá ngoài và của Hội đồng KĐCLGD*	Các hoạt động cải tiến chất lượng đã thực hiện và kết quả (kèm theo mã minh chứng)**	Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng trong nửa kỳ tiếp theo***
		bồi dưỡng đối với CBVC do Nhà trường ban hành. Nhà trường cần thực hiện chế độ giám sát các hoạt động bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ GV và nhân viên; chế độ cán bộ thực hiện báo cáo kết quả tham gia các lớp bồi dưỡng, hội nghị, hội thảo, v.v.	công tác đánh giá, phân loại; thi đua, khen thưởng hằng năm [MCGK.49].	
Tiêu chí 5.4	Đạt	Nhà trường cần có kế hoạch xây dựng, quy hoạch, bồi dưỡng và thu hút đội ngũ CBQL, đặc biệt là Trưởng bộ môn có trình độ Tiến sĩ trở lên để đáp ứng yêu cầu chiến lược phát triển Nhà trường giai đoạn 2015-2020 và Điều lệ trường ĐH.	Nhà trường đã thực hiện nghiêm túc Quyết định số 272-QĐ-ĐHH về việc ban hành Quy định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, thôi giữ chức vụ đối với công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý tại Đại học Huế [MCGK.50] Nhà trường cũng đã ban hành Quyết định 927/QĐ-ĐHNL về quy định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài chức vụ lãnh đạo các đơn vị trong trường [MCGK.51].	Giám sát, triển khai hiệu quả bản quy hoạch chuyên môn giai đoạn 2016-2020 và 2021-2025 vào tháng 3 năm 2018 đảm bảo đến năm 2020 các trưởng bộ môn phải có trình độ tiến sỹ

Tiêu chuẩn/Tiêu chí <i>(Trình bày lần lượt theo các tiêu chuẩn và tiêu chí)</i>	Kết quả KĐCL GD (Đạt /Chưa đạt)	Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng theo khuyến nghị của Đoàn đánh giá ngoài và của Hội đồng KĐCLGD*	Các hoạt động cải tiến chất lượng đã thực hiện và kết quả (kèm theo mã minh chứng)**	Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng trong nửa kỳ tiếp theo***
Tiêu chí 5.5	Chưa đạt	Nhà trường cần có giải pháp để giảm tỉ lệ SV/GV ở các khoa, ngành có tỉ lệ SV/GV quá cao, đặc biệt ở các khoa: Tài nguyên đất, Cơ khí - Công nghệ, Thủy sản, các ngành Quản lý đất đai, Khoa học đất, Kỹ thuật điện tử, Thú y, Nuôi trồng thủy sản, Công nghệ thực phẩm; Cân đối giờ chuẩn giữa các GV trong cùng khoa/ ngành đào tạo; phân công hướng dẫn luận văn thạc sĩ và luận án tiến sĩ đồng đều với các GV hơn, không tập trung vào một nhóm GV nhất định để đảm bảo đúng số lượng theo quy định.	Đã ban hành Quyết định số 1018/QĐ-ĐHNL và quyết định 1062/QĐ-ĐHNL về Quy định về tuyển dụng viên chức Trường Đại học Nông Lâm [MCGK.52] [MCGK.53] Thực hiện chế độ kéo dài công tác với giảng viên có trình độ TS, GS, PGS [MCGK.54] Tiếp nhận các cán bộ công tác trong ĐHH về công tác nên tỷ lệ SV/GV đã dần đúng với quy định [MCGK.55] Đã ban hành quyết định 1198/QĐ/ĐHNL về quy định chế độ làm việc của giáo viên [MCGK.56] Phòng Đào tạo đã kiểm soát việc phân công hướng dẫn đảm bảo quy định.	Tiếp tục điều chỉnh tỷ lệ hợp lý giữa các đơn vị trong trường và các ngành trong khoa.
Tiêu chí 5.6	Chưa đạt	Nhà trường cần kiên quyết yêu cầu các khoa không bố trí GV chưa có bằng thạc sĩ	Đã ban hành Quyết định số 1018/QĐ-ĐHNL và Quyết định	Xây dựng chiến lược và quy định tuyển dụng giảng

Tiêu chuẩn/Tiêu chí (Trình bày lần lượt theo các tiêu chuẩn và tiêu chí)	Kết quả KĐCL GD (Đạt /Chưa đạt)	Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng theo khuyến nghị của Đoàn đánh giá ngoài và của Hội đồng KĐCLGD*	Các hoạt động cải tiến chất lượng đã thực hiện và kết quả (kèm theo mã minh chứng)**	Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng trong nửa kỳ tiếp theo***
		trở lên giảng dạy các môn chuyên ngành; cần có cơ chế hỗ trợ và chế tài đủ mạnh để thúc đẩy các GV có bằng ĐH đi học tập nâng cao trình độ, đáp ứng yêu cầu về trình độ chuẩn được đào tạo theo quy định của Điều lệ trường ĐH.	1062/QĐ-ĐHNL về Quy định về tuyển dụng viên chức Trường Đại học Nông Lâm [MCGK.52] [MCGK.53].	viên có trình độ thạc sỹ trở lên để đáp ứng nhu cầu về đội ngũ.
Tiêu chí 5.7	Chưa đạt	Nhà trường cần có kế hoạch, biện pháp để đảm bảo cân bằng về kinh nghiệm công tác chuyên môn cho đội ngũ GV, giải quyết được vấn đề giữa việc trẻ hóa đội ngũ với cân bằng về kinh nghiệm chuyên môn. Nhà trường có thể xây dựng Đề án phát triển đội ngũ theo hướng nâng cao chất lượng, đa dạng hóa nguồn tuyển, lưu ý tuyển dụng theo thâm niên và độ tuổi; có giải pháp thu hút tuyển dụng cán bộ có kinh nghiệm, đồng thời tạo môi trường công tác tốt giúp GV gắn bó với Nhà trường.	Đã ban hành Quyết định số 1018/QĐ-ĐHNL và Quyết định 1062/QĐ-ĐHNL về Quy định về tuyển dụng viên chức Trường Đại học Nông Lâm [MCGK.52] [MCGK.53]. Hiệu trưởng đã ban hành quyết định rà soát, bổ sung quy hoạch chuyên môn giai đoạn 2016-2020 và 2021-2025 vào tháng 3 năm 2018 [MCGK.45] Nhà trường đã ban hành quy định về đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ, viên chức trường theo Quyết định số 236/QĐ-ĐHNL ngày 38/3/2016 [MCGK.44].	Tăng cường giám sát, quản lý về công tác tuyển dụng, công tác đào tạo, bồi dưỡng của cán bộ từng đơn vị và toàn trường.

Tiêu chuẩn/Tiêu chí (Trình bày lần lượt theo các tiêu chuẩn và tiêu chí)	Kết quả KĐCLGD (Đạt /Chưa đạt)	Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng theo khuyến nghị của Đoàn đánh giá ngoài và của Hội đồng KĐCLGD*	Các hoạt động cải tiến chất lượng đã thực hiện và kết quả (kèm theo mã minh chứng)**	Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng trong nửa kỳ tiếp theo***
Tiêu chí 5.8	Đạt	Nhà trường cần chú trọng hơn nữa và tăng cường tổ chức/cù/tạo điều kiện cho đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên, cán bộ hỗ trợ được bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ. Nhà trường cần định kỳ tổ chức đánh giá, lấy ý kiến phản hồi của GV, người học về hoạt động hỗ trợ của đội ngũ kỹ thuật viên và nhân viên phục vụ; các kết quả đánh giá cần được phân tích, báo cáo để cải tiến chất lượng.	Trong 2 năm nhà trường đã giới thiệu 03 cán bộ được cử đi bồi dưỡng chính trị cao cấp; 11 chuyên viên được nhà trường cho đi đào tạo chứng chỉ Quản lý nhà nước ngạch chuyên viên chính; các GV được bồi dưỡng chứng chỉ Giảng viên chính hạng II; 04 cán bộ được tham gia Khóa đào tạo Kiểm định viên KĐCLGD; 03 chuyên viên tham gia đào tạo chứng chỉ Quản lý nhà nước ngạch chuyên viên [MCGK.57]	Tiếp tục rà soát và cử các đối tượng tham gia các lớp bồi dưỡng phù hợp với vị trí công tác; Xây dựng bộ tiêu chí và lấy ý kiến rộng rãi từ người học về các KTV, NV, CB hỗ trợ có liên quan.
Tiêu chuẩn 6. Người học				
Tiêu chí 6.1	Đạt	Nhà trường cần bổ sung khảo sát về việc người học có được hướng dẫn đầy đủ về chương trình môn học, cách thức KTĐG ngay từ đầu môn học hay không; cần bố trí cố vấn học tập cho tất cả các lớp liên thông để đảm bảo quyền lợi cho SV hệ này.	Nhà trường đã phân công giáo viên CVHT cho các lớp LT, VB2 [MCGK.58], và đã phổ biến và làm các quyết định MGHP cho sinh viên [MCGK.59]. Trong năm học nhà trường đã tổ chức tuần SHCD,tổng kết năm học theo cấp khoa, trường và	Nhà trường cần bổ sung khảo sát về việc người học có được hướng dẫn đầy đủ về chương trình môn học, cách thức KTĐG ngay từ đầu môn học

Tiêu chuẩn/Tiêu chí (Trình bày lần lượt theo các tiêu chuẩn và tiêu chí)	Kết quả KĐCL GD (Đạt /Chưa đạt)	Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng theo khuyến nghị của Đoàn đánh giá ngoài và của Hội đồng KĐCLGD*	Các hoạt động cải tiến chất lượng đã thực hiện và kết quả (kèm theo mã minh chứng)**	Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng trong nửa kỳ tiếp theo***
		Nhà trường nên cung cấp đầy đủ và cập nhật thông tin về thị trường lao động; cung cấp thông tin cập nhật về vị trí việc làm, chuẩn đầu ra theo các ngành nghề đào tạo cho tất cả các đối tượng người học nắm được. Nhà trường cần đảm bảo để tất cả các đối tượng người học đều được hướng dẫn đầy đủ về CTĐT, KTĐG và các quy định trong quy chế đào tạo.	mời các doanh nghiệp tham gia để tiếp thu ý kiến đóng góp của sinh viên và doanh nghiệp để cung cấp thông tin về thị trường lao động, và vị trí việc làm [MCGK.60].	
Tiêu chí 6.2	Đạt	Nhà trường cần có kế hoạch bổ sung nhân lực y tế có trình độ cao hoặc có cơ chế đào tạo bồi dưỡng nâng cao chất lượng nhân lực cho cơ sở y tế của Trường đáp ứng nhu cầu của người học. Nhà trường cần có giải pháp phù hợp hỗ trợ cho người học khi sử dụng sân bãi luyện tập thể thao ngoài giờ. Nhà trường cần có các biện pháp tăng cường an ninh trong khu KTX, giám sát thực hiện nghiêm túc nội quy KTX. Cần bổ sung trang thiết bị, nội quy, hướng dẫn, bồi dưỡng tập huấn cho cán bộ giảng viên và người học	Tổ Y tế đã kết hợp với Bệnh viện quân y 268 để khám sức khỏe ban đầu cho sinh viên [MCGK.61]. Nhà trường đã xây dựng khu liên hợp thể thao và có chính sách hỗ trợ sinh viên khi tham gia tập luyện thể thao [MCGK.62]. Từng học kỳ nhà trường tổ chức giao ban với công an thành phố, công an 4 phường và KTX Tây Lộc để tăng cường an ninh KTX và giám sát thực	Phòng CSVC cần có kế hoạch bổ sung nhân lực y tế có trình độ. Nhà trường cần tiếp tục hỗ trợ cho người học khi sử dụng sân bãi luyện tập thể thao ngoài giờ. Phòng CTSV cần phối hợp làm việc với TTPV SV-Đại học Huế cần có biện pháp tăng cường an ninh trong khu KTX Tây Lộc. Cần bổ sung nội quy, hướng dẫn, bồi dưỡng tập

Tiêu chuẩn/Tiêu chí (Trình bày lần lượt theo các tiêu chuẩn và tiêu chí)	Kết quả KĐCL GD (Đạt /Chưa đạt)	Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng theo khuyến nghị của Đoàn đánh giá ngoài và của Hội đồng KĐCLGD*	Các hoạt động cải tiến chất lượng đã thực hiện và kết quả (kèm theo mã minh chứng)**	Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng trong nửa kỳ tiếp theo***
		để đảm bảo an toàn cho các phòng thực hành thí nghiệm của Trường.	hiện nghiêm túc nội quy KTX [MCGK.63].	huấn cho cán bộ giảng viên và người học để đảm bảo an toàn cho các phòng thực hành thí nghiệm.
Tiêu chí 6.3	Đạt	Nhà trường cần xác định nhu cầu và tổ chức cho người học không thuộc hệ ĐH chính quy tham gia các hoạt động đoàn thể, tuần sinh hoạt công dân đầu năm học hoặc các đợt học tập chính trị; cần có cơ chế giám sát để cải thiện chất lượng công tác rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống cho tất cả các đối tượng người học của Trường. Nhà trường nên tổ chức các buổi nói chuyện chuyên đề/cung cấp thông tin về tình hình chính trị, thời sự trong nước và trên thế giới cho tất cả các đối tượng người học của Trường.	Đầu năm học Nhà trường luôn tổ chức tuần sinh hoạt công dân – HSSV nhằm mục đích nâng cao nhận thức của người học đối với đường lối, chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước [MCGK.64][MCGK.65] [MCGK.66]. Đồng thời đối với sinh viên hệ LT, VLVH, Nhà trường có tổ chức gặp mặt đầu năm để triển khai phổ biến các thông báo nội quy của Nhà trường, các chế độ chính sách, quy định của Pháp luật [MCGK.67]. Tuy nhiên do số lượng SV của hệ LT, VLVH ngày càng ít nên Nhà trường khó quản lý, sinh hoạt theo lớp. Nhà trường thường xuyên tổ chức các buổi nói chuyện chuyên đề,	Phòng CTSV kết hợp với phòng Đào tạo cần khuyến khích động viên sv các hệ tham gia các hoạt động của nhà trường, tích cực phổ biến nội quy, quy định của Nhà trường, một số chế độ chính sách, quy định của Pháp luật đối với sinh viên hệ Cao học, VLVH, LT. Nâng cao chất lượng các chương trình hoạt động Đoàn, Hội thu hút đông đảo sinh viên tham gia, lồng ghép các hoạt động có tính chất giáo dục chính trị, tư

Tiêu chuẩn/Tiêu chí (Trình bày lần lượt theo các tiêu chuẩn và tiêu chí)	Kết quả KĐCLGD (Đạt /Chưa đạt)	Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng theo khuyến nghị của Đoàn đánh giá ngoài và của Hội đồng KĐCLGD*	Các hoạt động cải tiến chất lượng đã thực hiện và kết quả (kèm theo mã minh chứng)**	Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng trong nửa kỳ tiếp theo***
			phòng chống tệ nạn xã hội, tổ chức lồng ghép vào các hoạt động, các cuộc thi nhằm tuyên truyền và nâng cao ý thức, phẩm chất đạo đức của người học [MCGK.68][MCGK.69][MCGK.70].	tương để nâng cao phẩm chất, đạo đức người học. Mỗi cán bộ lao động phải làm chuẩn mực để mỗi sinh viên noi gương về phẩm chất và đạo đức. Vì vậy cần có các buổi tập huấn kỹ năng, nâng cao tác phong làm việc và đạo đức của đội ngũ cán bộ để chuyên nghiệp và chuẩn mực hơn.
Tiêu chí 6.4	Đạt	Nhà trường cần động viên người học các hệ liên thông, VLVH, SĐH, ... tham gia vào các hoạt động Đoàn, Hội để tăng cường việc rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống cho người học các bậc/hệ này. Các hoạt động của Đoàn, Hội cần có những đổi mới để thu hút thêm các đối tượng người học tham gia. Nhà trường cần đồng bộ hóa cổng thông tin điện tử của Nhà trường, thiết kế cổng	Nhà trường đã tổ chức gặp mặt, phổ biến các nội dung cần thiết đối với sinh viên các hệ VHVL, SĐH, LT vào đầu mỗi học kì đồng thời xây dựng kênh thông tin mạng lưới ban cán sự lớp để cập nhật thông tin, thông báo các chương trình, hoạt động khi cần thiết [MCGK.67]. Đưa vào sử dụng trang web https://svnonglam.org làm cổng	Đoàn thanh viên cần cải thiện nhiều chương trình thu hút nhiều sinh viên tham gia, đặc biệt động viên, thu hút sinh viên các hệ LT, CAO ĐẲNG, VLVH, SĐH tham gia các hoạt động đoàn, hội để tăng cường việc rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức

Tiêu chuẩn/Tiêu chí (Trình bày lần lượt theo các tiêu chuẩn và tiêu chí)	Kết quả KĐCL GD (Đạt /Chưa đạt)	Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng theo khuyến nghị của Đoàn đánh giá ngoài và của Hội đồng KĐCLGD*	Các hoạt động cải tiến chất lượng đã thực hiện và kết quả (kèm theo mã minh chứng)**	Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng trong nửa kỳ tiếp theo***
		thông tin thành phần của Đảng ủy, Đoàn thanh niên, hội SV trên cổng thông tin điện tử của Trường để tuyên truyền các hoạt động đến người học hiệu quả.	thông tin chính thức của Đoàn TN – Hội SV Nhà trường [MCGK.71], từ đó triển khai các thông tin, chương trình, kết hợp với mạng xã hội để tuyên truyền các hoạt động đến người học hiệu quả.	và lối sống cho sinh viên các hệ này. ĐTN-HSV đã đổi mới trang thông tin điện tử, kết hợp mạng xã hội để tăng khả năng tuyên truyền đến sinh viên. Chính thức sử dụng website svnonglam.org làm cổng thông tin chính của ĐTN-HSV của Nhà trường. Tuy nhiên giao diện và các nội dung còn sơ sài, chưa đầy đủ.
Tiêu chí 6.5	Đạt	Nhà trường nên bố trí các hòm thư góp ý cho người học từng khoa để kịp thời tiếp nhận các ý kiến đóng góp nhằm hỗ trợ tích cực, kịp thời người học trong sinh hoạt và học tập. Nhà trường nên thường xuyên gặp gỡ, tìm hiểu nguyện vọng của người học các lớp SĐH, liên thông ĐH, VLVH để bố trí kế hoạch học tập hợp lý và có các biện pháp hỗ	Nhà trường đã tổ chức SHL định kỳ hàng tháng [MCGK.72], đầu năm học tổ chức tổng kết năm học theo cấp khoa, trường để tiếp thu ý kiến đóng góp của sinh viên [MCGK.73]. Nhà trường đã phân công giáo viên CVHT cho các lớp LT, VB2 và đã phổ biến	Phòng KT&ĐBCLGD phối hợp với phòng CTSV cần bổ sung thông tin khảo sát về người học có được hướng dẫn đầy đủ về chương trình môn học, cách thức KTĐG ngay từ đầu hay không;

Tiêu chuẩn/Tiêu chí (Trình bày lần lượt theo các tiêu chuẩn và tiêu chí)	Kết quả KĐCL GD (Đạt /Chưa đạt)	Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng theo khuyến nghị của Đoàn đánh giá ngoài và của Hội đồng KĐCLGD*	Các hoạt động cải tiến chất lượng đã thực hiện và kết quả (kèm theo mã minh chứng)**	Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng trong nửa kỳ tiếp theo***
		trợ kịp thời; làm việc với các đơn vị thành viên trong ĐH Huế để người học có thể học các môn tiếng Anh và giáo dục thể chất tại Trường. Nhà trường cần tích cực tìm kiếm các nguồn kinh phí để nâng cấp CSVC: trang thiết bị ở các giảng đường, phòng thực hành thí nghiệm, v.v. kiến nghị với ĐH Huế về việc tu sửa nâng cấp KTX. Nhà trường cần nghiên cứu điều chỉnh, bổ sung CTĐT để tăng thời lượng thực hành/thực tập. Có cơ chế khuyến khích, tạo điều kiện để người học được tham gia NCKH kết hợp với các đề tài/dự án đã được cấp kinh phí.	và làm các quyết định MGHP cho sinh viên [MCGK.74]. Nhà trường đã xây mới giảng đường E và Đại học Huế đã sửa chữa KTX Tây Lộc để phục vụ học tập và nơi ở cho sinh viên tốt hơn [MCGK.75]. Nhà trường đã điều chỉnh cập nhật khung CTĐT áp dụng từ khóa 51 để tăng thời lượng thực hành thực tập [MCGK.13] trong những năm qua, nhiều tập đoàn kinh tế đã hợp tác với nhà trường ngay từ khi sinh viên còn chưa ra trường, để đưa các em sang nước ngoài thực tập, học hỏi, tích lũy kinh nghiệm đi thực tập và làm việc tại Nhật Bản; đi thực tập và làm việc về nông nghiệp công nghệ cao tại Israel và năm 2018, nhà trường đã hợp tác để SV đi thực tập làm việc tại Đan Mạch [MCGK.76].	Hàng năm, phòng CTSV kết hợp với phòng ĐT tổ chức trong tuần sinh hoạt công dân đầu năm học cho người học hệ Cao học, cần phổ biến tình hình việc làm, CTĐT, KTĐG của các ngành nghề đào tạo trong tuần sinh hoạt công dân đầu năm học cho SV.

Tiêu chuẩn/Tiêu chí (Trình bày lần lượt theo các tiêu chuẩn và tiêu chí)	Kết quả KĐCL GD (Đạt /Chưa đạt)	Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng theo khuyến nghị của Đoàn đánh giá ngoài và của Hội đồng KĐCLGD*	Các hoạt động cải tiến chất lượng đã thực hiện và kết quả (kèm theo mã minh chứng)**	Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng trong nửa kỳ tiếp theo***
Tiêu chí 6.6	Đạt	Nhà trường cần khuyến khích người học hệ VLVH, liên thông ĐH và SDH tham gia tích cực vào phong trào thi đua của Đoàn TN, Hội SV để qua đó làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục đạo đức, lối sống lành mạnh, tinh thần trách nhiệm, tôn trọng luật pháp, chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, phổ biến các quy định của Nhà trường. Nhà trường cần rà soát lại hoạt động của các câu lạc bộ để có kế hoạch phối hợp hoạt động một cách hiệu quả, phù hợp với đối tượng người tham gia, tránh chồng chéo. Nhà trường cần tổ chức lấy ý kiến của người học về hiệu quả hoạt động và những ý kiến đóng góp cho hoạt động của Đoàn TN, Hội SV và các câu lạc bộ đội, nhóm.	Nhà trường đã tổ chức nhiều phong trào thi đua, các cuộc thi nhằm tuyên truyền giáo dục đạo đức, lối sống lành mạnh, tinh thần trách nhiệm của sinh viên, không giới hạn hệ đào tạo [MCGK.68] [MCGK.69] [MCGK.70]. Nhà trường đã rà soát các hoạt động của các câu lạc bộ, cho thành lập các câu lạc bộ mới theo nhu cầu của xã hội và sở thích, nguyện vọng của sinh viên [MCGK.77].	Phòng CTSV kết hợp với Đoàn TN, Hội SV cần khuyến khích sinh viên hệ VLVH, liên thông và SDH tham gia tích cực vào các phong trào thi đua của Đoàn thanh niên, hội sinh viên để qua đó làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục đạo đức, lối sống lành mạnh... Do số lượng sv các hệ LT, VLVH ngày càng ít, khó quản lý theo lớp nên còn gặp nhiều hạn chế. Đoàn TN – Hội SV cần rà soát lại hoạt động của các CLB đội nhóm để phối hợp một cách hiệu quả, phù hợp với đối tượng tham gia, tránh chồng chéo. Cho thành lập các câu lạc bộ mới, phù

Tiêu chuẩn/Tiêu chí <i>(Trình bày lần lượt theo các tiêu chuẩn và tiêu chí)</i>	Kết quả KĐCL GD (Đạt /Chưa đạt)	Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng theo khuyến nghị của Đoàn đánh giá ngoài và của Hội đồng KĐCLGD*	Các hoạt động cải tiến chất lượng đã thực hiện và kết quả (kèm theo mã minh chứng)**	Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng trong nửa kỳ tiếp theo***
				hợp nhu cầu và sở thích của sinh viên, giải thể các CLB không còn phù hợp. Đoàn-Hội cần tổ chức lấy ý kiến của sinh viên về hiệu quả hoạt động và những ý kiến đóng góp cho hoạt động của Đoàn TN, Hội SV và các CLB đội, nhóm.
Tiêu chí 6.7	Đạt	Nhà trường cần xây dựng hệ thống thu thập thông tin phản hồi về tình trạng việc làm và tính phù hợp của ngành nghề đào tạo; xây dựng cơ sở dữ liệu đầy đủ và tổng hợp, phân tích số liệu về tình hình có việc làm của người học để có biện pháp cải thiện chất lượng kịp thời. Nhà trường cần thực hiện điều chỉnh CTĐT, điều chỉnh chỉ tiêu tuyển sinh, tăng cường các biện pháp hỗ trợ người học tìm	Phòng CTSV đã thu thập thông tin việc làm của sinh viên tốt nghiệp sau khi tốt nghiệp 06 tháng và 12 theo quy định của Bộ GDĐT [MCGK.40]. Hằng năm đều tiến hành tổ chức ngày hội việc làm có hơn 40 doanh nghiệp tham gia và hơn 2000 chỉ tiêu việc làm cho sinh viên [MCGK.41]. Từ kết quả khảo sát, xử lý phân tích nhà trường đã tiến hành cải tiến khung chương trình, Chương trình đào tạo từ	Nhà trường cần điều chỉnh chỉ tiêu tuyển sinh, tăng cường các biện pháp hỗ trợ người học tìm việc làm đối với người học bậc cao đẳng, liên thông ĐH và cả hệ VLVH.

Tiêu chuẩn/Tiêu chí (Trình bày lần lượt theo các tiêu chuẩn và tiêu chí)	Kết quả KĐCL GD (Đạt /Chưa đạt)	Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng theo khuyến nghị của Đoàn đánh giá ngoài và của Hội đồng KĐCLGD*	Các hoạt động cải tiến chất lượng đã thực hiện và kết quả (kèm theo mã minh chứng)**	Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng trong nửa kỳ tiếp theo***
		việc làm đối với người học bậc cao đẳng, liên thông ĐH và cả hệ VLVH.	khóa 51 tuyển sinh năm 2017 [MCGK.13].	
Tiêu chí 6.8	Đạt	Nhà trường cần xây dựng hệ thống thu thập thông tin về tình hình có việc làm của người học các ngành/bậc/hệ sau tốt nghiệp qua từng năm, kể cả số liệu về tình hình tự tạo việc làm của người học (xây dựng các văn bản quy định, phương pháp và công cụ, cơ chế phản hồi thông tin, cơ chế cải tiến chất lượng sau đánh giá). Kết quả khảo sát nên công bố cho người học được biết. Nhà trường cần thực hiện điều chỉnh CTĐT, điều chỉnh chỉ tiêu tuyển sinh, tăng cường các biện pháp hỗ trợ người học tìm việc làm đối với những ngành có tỷ lệ người học tìm được việc làm sau tốt nghiệp 12 tháng dưới 50%.	Số liệu thống kê về việc làm của sinh viên trong 5 năm qua chưa đầy đủ. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm chưa đồng đều giữa các ngành. Sinh viên hệ Cao đẳng, ĐH liên thông và VLVH chưa được tham gia đầy đủ các hoạt động hỗ trợ của trường. Từ kết quả khảo sát, xử lý phân tích nhà trường đã tiến hành cải tiến khung chương trình, Chương trình đào tạo từ khóa 51 tuyển sinh năm 2017 [MCGK.13]. Kết quả khảo sát việc làm sinh viên đã được công khai trên trang web của trường [MCGK.40].	Phòng CTSV cần kết hợp với khoa chuyên môn xây dựng hệ thống thu thập thông tin phản hồi về tình trạng việc làm và tính phù hợp của ngành nghề đào tạo; xây dựng cơ sở dữ liệu đầy đủ và tổng hợp, phân tích số liệu về tình hình có việc làm của người học để có biện pháp cải thiện chất lượng kịp thời. Phòng CTSV, ĐT kết hợp với các khoa chuyên môn cần thực hiện điều chỉnh CTĐT, điều chỉnh chỉ tiêu tuyển sinh, tăng cường các biện pháp hỗ trợ sinh viên tìm việc làm đối với sinh

Tiêu chuẩn/Tiêu chí (Trình bày lần lượt theo các tiêu chuẩn và tiêu chí)	Kết quả KĐCL GD (Đạt /Chưa đạt)	Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng theo khuyến nghị của Đoàn đánh giá ngoài và của Hội đồng KĐCLGD*	Các hoạt động cải tiến chất lượng đã thực hiện và kết quả (kèm theo mã minh chứng)**	Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng trong nửa kỳ tiếp theo***
				viên CD và LT đại học và hệ VLVH.
Tiêu chí 6.9	Chưa đạt	- Nhà trường cần tổ chức cho người học tất cả các bậc/hệ/đào tạo thuộc các loại hình đào tạo khác nhau được tham gia đánh giá chất lượng giảng dạy của GV khi kết thúc môn học và đánh giá chất lượng đào tạo của Trường trước khi tốt nghiệp. - Nhà trường cần xây dựng công cụ khảo sát phù hợp với đặc thù các bậc/hệ đào tạo, xây dựng quy trình khảo sát chi tiết, chặt chẽ để kết quả khảo sát thu được chính xác, khách quan; cần xây dựng cơ sở dữ liệu đầy đủ về kết quả đánh giá chất lượng giảng dạy khi kết thúc môn học và đánh giá chất lượng đào tạo của Trường; cần thực hiện tổng hợp, phân tích số liệu, viết báo cáo; cần sử dụng kết quả đánh giá vào việc cải thiện các hoạt động của Trường.	- Nhà trường tiếp tục thực hiện khảo sát ý kiến người học về chất lượng giảng dạy của GV khi kết thúc môn học và đánh giá chất lượng đào tạo của Trường trước khi tốt nghiệp [MCGK.78]	- Tiếp tục thực hiện lấy ý kiến người học về chất lượng giảng dạy của giảng viên ở tất cả các bậc và hệ đào tạo; định kỳ tổng kết, đánh giá hoạt động này. - Xây dựng bộ công cụ khảo sát các bên liên quan về chất lượng các mặt hoạt động của Nhà trường.

Tiêu chuẩn/Tiêu chí <i>(Trình bày lần lượt theo các tiêu chuẩn và tiêu chí)</i>	Kết quả KĐCLGD <i>(Đạt /Chưa đạt)</i>	Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng theo khuyến nghị của Đoàn đánh giá ngoài và của Hội đồng KĐCLGD*	Các hoạt động cải tiến chất lượng đã thực hiện và kết quả (kèm theo mã minh chứng)**	Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng trong nửa kỳ tiếp theo***
Tiêu chuẩn 7. NCKH, ứng dụng, phát triển và chuyển giao công nghệ				
Tiêu chí 7.1	Đạt	Chiến lược phát triển KHCN, kế hoạch KHCN trong từng giai đoạn cần được cụ thể phù hợp với định hướng chiến lược và kế hoạch của Nhà trường cũng như nguồn nhân lực. Nhà trường cần xây dựng kế hoạch, chiến lược cụ thể, xác định hướng nghiên cứu rõ ràng, có chỉ tiêu cụ thể đến các đơn vị trong Nhà trường. Đồng thời, Nhà trường cần thường xuyên đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch KHCN trong từng năm học và đề xuất phương hướng và giải pháp cho năm học tiếp theo. Nhà trường cần chú trọng đến các nguồn lực đầu tư cho KHCN khác như HTQT, ngoài Bộ GD&ĐT, cần chú ý đến nguồn kinh phí nghiên cứu KHCN từ Bộ Nông nghiệp và	Trong chiến lược phát triển, nhà trường đã nêu rõ định hướng về phát triển KHCN trong giai đoạn 2016-2020, trong đó làm rõ kế hoạch, chiến lược cụ thể, xác định hướng nghiên cứu rõ ràng, có chỉ tiêu cụ thể đến các đơn vị trong Nhà trường [MCGK.79] [MCGK.80]. Hàng năm dựa vào kinh phí trích theo Nghị định 99/NĐ-CP, trường đã dành nguồn kinh phí đáng kể để đầu tư nguồn lực cho KHCN [MCGK.81]. Ngoài ra, nhà trường đã chủ động hợp tác với các địa phương, các bộ ngành để triển khai các hoạt động	Cần đánh giá kết quả hoạt động KHCN trong 05 năm qua để rút kinh nghiệm cho việc xây dựng kế hoạch dài hạn, trung hạn, và ngắn hạn về KHCN của trường trong giai đoạn tiếp theo. Trong đó, kế hoạch cần ngắn gọn, xác định đúng hướng hoạt động, làm rõ sản phẩm cần đạt được, các chỉ tiêu phân đầu, phân công nhiệm vụ rõ ràng cho các đơn vị, các nhóm NCKH. Việc bố trí nguồn lực cho phát triển KHCN cần cân đối phù hợp

Tiêu chuẩn/Tiêu chí <i>(Trình bày lần lượt theo các tiêu chuẩn và tiêu chí)</i>	Kết quả KĐCLGD (Đạt /Chưa đạt)	Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng theo khuyến nghị của Đoàn đánh giá ngoài và của Hội đồng KĐCLGD*	Các hoạt động cải tiến chất lượng đã thực hiện và kết quả (kèm theo mã minh chứng)**	Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng trong nửa kỳ tiếp theo***
		Phát triển nông thôn, Bộ Khoa học Công nghệ, Bộ Công Thương, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Chương trình Tây Nguyên, triển khai nghiên cứu từ các đề tài khoa học địa phương (nhất là khu vực miền Trung và Tây Nguyên).	KHCN, số lượng đề tài liên kết với các địa phương tăng lên [MCGK.82]..	để đảm bảo hoạt động KHCN ngày càng phát triển. Cần phát triển các hợp tác với doanh nghiệp, địa phương để triển khai nghiên cứu ứng dụng và cơ bản. Cần tận dụng cơ hội từ các Bộ ngành để tìm nguồn kinh phí nghiên cứu các đề tài, dự án trọng điểm quốc gia, vùng, địa phương.
Tiêu chí 7.2	Đạt	Nhà trường cần có kế hoạch KHCN cụ thể, động viên khuyến khích cán bộ đề xuất, liên kết với các đơn vị quản lý KHCN triển khai nghiên cứu khoa học phù hợp với sứ mạng của Nhà trường, tìm kiếm nguồn lực tài chính khác ngoài ngân sách nhà nước. Nhà trường cần xây dựng và thực hiện các quy định về quản lý KHCN cụ thể, hiệu quả	Hàng năm, trường đã lập kế hoạch KHCN cụ thể cho các hoạt động KHCN từ đề tài cấp trường, sinh viên, cấp Đại học Huế và nhiều hoạt động KHCN khác để khuyến khích các nhà khoa học tìm kiếm đề tài, dự ngoài ngân sách nhà nước [MCGK.83]. Trường đã xây dựng và thực hiện các quy định về quản lý KHCN cụ thể, hiệu quả phù hợp với quy định	Cần xây dựng cơ chế chính sách cụ thể hơn, hướng tới khoản KHCN, tự chủ về hoạt động KHCN của các đơn vị, trên cơ sở đầu tư của nhà trường, các nhóm cần chủ động. Cần có chính sách khuyến khích tối đa hoạt động KHCN.

Tiêu chuẩn/Tiêu chí (Trình bày lần lượt theo các tiêu chuẩn và tiêu chí)	Kết quả KĐCLGD (Đạt /Chưa đạt)	Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng theo khuyến nghị của Đoàn đánh giá ngoài và của Hội đồng KĐCLGD*	Các hoạt động cải tiến chất lượng đã thực hiện và kết quả (kèm theo mã minh chứng)**	Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng trong nửa kỳ tiếp theo***
		phù hợp với quy định của Nhà nước và ĐH Huế.	của Nhà nước và ĐH Huế [MCGK.84]. Trong quy chế chi tiêu nội bộ của trường đã đưa vào các mục khen thưởng đặc biệt liên quan đến KHCN [MCGK.85].	Cần tăng cường việc hoàn thiện các qui định quản lý hoạt động KHCN để đảm bảo khuyến khích cán bộ tham gia KHCN và tạo ra sản phẩm KHCN, đào tạo, nguồn thu cho nhà trường.
Tiêu chí 7.3	Đạt	Nhà trường cần có giải pháp tăng cường hoạt động nghiên cứu KHCN như gia tăng số đề tài KHCN về lĩnh vực Nông Lâm tại khu vực miền Trung và Tây Nguyên, chủ động thực hiện thúc đẩy các hợp tác nghiên cứu quốc tế thực chất và có yêu cầu xuất bản quốc tế cao hơn. Khuyến khích cán bộ Nhà trường đăng ký và thực hiện đề tài NCKH thuộc quỹ phát triển KHCN quốc gia. Cần tăng tính trách nhiệm của cán bộ nghiên cứu trong việc sử dụng thương hiệu của Trường trong các công bố khoa học, các ấn phẩm và xuất bản.	Nhà trường đã chủ động hợp tác với các tỉnh miền Trung - Tây Nguyên để hợp tác phát triển KHCN, cụ thể số lượng đề tài ở cấp tỉnh đã tăng lên như ở Quảng Ngãi, Quảng Nam, Quảng Trị, Quảng Bình, Thừa Thiên Huế [MCGK.86]. Nhà trường đã khuyến khích các nhà khoa học tham gia các đề tài cấp quốc gia như đề tài Nafosted, đề tài Quỹ bảo tồn gen [MCGK.87]. Trách nhiệm của cán bộ nghiên cứu được tăng lên vì nhà trường đã ban hành quy định tính giờ chuẩn nghiên	Cần xây dựng các nhóm nghiên cứu quốc tế mạnh để đấu thầu các dự án HTQT lớn. Có chính sách khuyến khích và tạo điều kiện cho các nhóm nghiên cứu từ Quỹ Nafosted. Cần có qui định về NCKH cho cán bộ, bộ môn, Khoa và các đơn vị khác, trong đó làm rõ các tiêu chí cần thực

Tiêu chuẩn/Tiêu chí <i>(Trình bày lần lượt theo các tiêu chuẩn và tiêu chí)</i>	Kết quả KĐCL GD (Đạt /Chưa đạt)	Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng theo khuyến nghị của Đoàn đánh giá ngoài và của Hội đồng KĐCLGD*	Các hoạt động cải tiến chất lượng đã thực hiện và kết quả (kèm theo mã minh chứng)**	Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng trong nửa kỳ tiếp theo***
			cứu khoa học, trong đó ưu tiên điểm NCKH từ xuất bản bài báo quốc tế và trong nước. Các xuất bản phải lấy tên đúng của đơn vị, trường mới được công nhận tính giờ chuẩn và khen thưởng [MCGK.88].	hiện hàng năm, nhiều năm để kiểm soát hoạt động KHCN tốt hơn.
Tiêu chí 7.4	Đạt	Nhà trường cần tăng cường số lượng đề tài nghiên cứu của cán bộ Nhà trường nói chung và các đề tài nông nghiệp, lâm nghiệp, nông thôn mang tính liên ngành nói riêng; tập hợp đội ngũ khoa học, nhóm nghiên cứu liên kết chuyên môn giữa các Khoa/Bộ môn chuyên môn trong Trường. Nhà trường cần xây dựng kế hoạch NCKH với nguồn kinh phí tự chủ ưu tiên giải quyết những vấn đề định hướng trong chiến lược phát triển KHCN của Nhà trường, khuyến khích cán bộ triển khai liên kết thực hiện đề tài KHCN giải quyết những vấn đề thực tiễn ở địa phương từ quỹ KHCN của địa phương.	Đã tăng số lượng đề tài các loại, đã tập hợp các nhóm liên ngành để giải quyết các vấn đề ưu tiên của trường trong các dự án sản xuất thử nghiệm cấp trường, nhóm nghiên cứu với doanh nghiệp, địa phương [MCGK.89].	Cần tái cấu trúc Bộ môn theo định hướng nghiên cứu để xây dựng các nhóm nghiên cứu mạnh, liên ngành. Hàng năm, cần trích nguồn kinh phí đủ lớn để phát triển các hướng nghiên cứu mới, trọng điểm, giải quyết vấn đề lớn của cả nước, vùng hoặc quốc tế. Cần đi hợp tác với các doanh nghiệp để tìm hiểu vấn đề, đặt hàng nghiên cứu lâu dài.

Tiêu chuẩn/Tiêu chí <i>(Trình bày lần lượt theo các tiêu chuẩn và tiêu chí)</i>	Kết quả KĐCL GD (Đạt /Chưa đạt)	Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng theo khuyến nghị của Đoàn đánh giá ngoài và của Hội đồng KĐCLGD*	Các hoạt động cải tiến chất lượng đã thực hiện và kết quả (kèm theo mã minh chứng)**	Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng trong nửa kỳ tiếp theo***
Tiêu chí 7.5	Chưa đạt	Nhà trường cần cụ thể hóa các quy định về quản lý đề tài KHCN, có cơ chế tài chính rõ ràng, cụ thể nhằm khuyến khích hoặc bắt buộc các cá nhân thực hiện các NCKH, chuyển giao sản phẩm KHCN với địa phương thực hiện với danh nghĩa của Nhà trường. Bộ phận tham mưu về KHCN cần phải phối hợp với bộ phận kế hoạch tài chính để quản lý tốt hơn về chuyên môn KHCN cũng như nguồn thu từ hoạt động khoa học và chuyển giao công nghệ. Bên cạnh đó, Nhà trường cần có cơ chế phối hợp, giám sát trong quản lý NCKH và tài chính.	Đã có qui định cụ thể về cơ chế tài chính nhằm khuyến khích và ràng buộc các cá nhân chuyên giao KHCN với địa phương, được thể hiện rõ trong qui chế chi tiêu nội bộ của trường đã ban hành [MCGK.85]. Phòng KHCN-HTQT và Phòng KHTC đã phối hợp tốt về quản lý tài chính của hoạt động KHCN về thu chi cho các hoạt động đã lên kế hoạch cụ thể trong phân bổ tài chính hàng năm [MCGK.81].	Cần có qui định cụ thể về SHTT và chuyển giao KHCN, để cán bộ thấy được những điểm khuyến khích họ thực hiện chuyển giao và đăng ký SHTT, tăng nguồn thu cho nhà trường. Phòng KHCN-HTQT và Phòng KHTC tiếp tục hoàn thiện cơ chế phối hợp về thu chi tài chính liên quan đến hoạt động KHCN, trong đó làm rõ các nguồn chi, nguồn thu để cân đối đưa vào kế hoạch hàng năm và phát triển các nguồn thu từ KHCN.
Tiêu chí 7.6	Đạt	Nhà trường cần có quy định cụ thể, quy chế về việc NCKH với đào tạo và tăng cường CSVC, thiết bị cho Nhà trường, nhất là đề tài HTQT.	Nhà trường đã có quy định cụ thể về việc gắn kết NCKH với đào tạo, trong đó yêu cầu tất cả các đề tài NCKH các cấp phải có sản phẩm đào	Cần có chính sách, qui định cụ thể về quản lý trang thiết bị phục vụ NCKH

Tiêu chuẩn/Tiêu chí <i>(Trình bày lần lượt theo các tiêu chuẩn và tiêu chí)</i>	Kết quả KĐCLGD (Đạt /Chưa đạt)	Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng theo khuyến nghị của Đoàn đánh giá ngoài và của Hội đồng KĐCLGD*	Các hoạt động cải tiến chất lượng đã thực hiện và kết quả (kèm theo mã minh chứng)**	Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng trong nửa kỳ tiếp theo***
			tạo là nghiên cứu sinh, học viên cao học, sinh viên tham gia nghiên cứu KH, và các tài liệu đào tạo khác như giáo trình, bài giảng, bài thực hành thực tập từ kết quả nghiên cứu. Các qui định này được nêu rõ trong các thông báo yêu cầu đối với các đề tài các cấp [MCGK.90]. Các đề tài, dự án HTQT đã góp phần tăng cường CSVC, thiết bị cho Nhà trường, nhất là đề tài HTQT [MCGK.91].	Cần tăng cường, khuyến khích các dự án HTQT mua sắm trang thiết bị phục vụ đào tạo và NCKH
Tiêu chí 7.7	Đạt	Nhà trường cần có các quy định cụ thể về đạo đức trong khoa học, ứng xử với động vật thí nghiệm, quy định về trích dẫn, đồng thời tổ chức thường xuyên hơn các khóa tập huấn, hướng dẫn thực hiện các quy định về tiêu chuẩn năng lực và đạo đức trong các hoạt động KHCN, nhất là đối với cán bộ và SV mới vào Trường.	Đã ban hành quy định cụ thể về tiêu chuẩn năng lực và đạo đức trong các hoạt động KHCN [MCGK.92]. Đã và đang thảo luận để hình thành quy định cụ thể về ứng xử với động vật thí nghiệm, quy định về trích dẫn [MCGK.93].	Cần hoàn thiện qui định cụ thể về đạo đức trong khoa học, ứng xử với động vật thí nghiệm để ban hành sớm. Tăng cường các hoạt động tập huấn về SHTT, phương pháp nghiên cứu, trích dẫn tài liệu.

Tiêu chuẩn/Tiêu chí <i>(Trình bày lần lượt theo các tiêu chuẩn và tiêu chí)</i>	Kết quả KĐCL GD (Đạt /Chưa đạt)	Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng theo khuyến nghị của Đoàn đánh giá ngoài và của Hội đồng KĐCLGD*	Các hoạt động cải tiến chất lượng đã thực hiện và kết quả (kèm theo mã minh chứng)**	Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng trong nửa kỳ tiếp theo***
Tiêu chuẩn 8. Hoạt động hợp tác quốc tế				
Tiêu chí 8.1	Đạt	Bên cạnh việc duy trì và phát triển hợp tác đã có, Nhà trường nên tăng cường mở rộng quan hệ hợp tác với các đối tác khác, nhất là các đối tác mạnh có chuyên môn phù hợp với Nhà trường. Nhà trường cần sớm thực hiện văn bản giao nhiệm vụ và xác nhận kết quả đi công tác của lãnh đạo Trường đối với người được cử đi nước ngoài.	Nhà trường đã mở rộng hợp tác với nhiều nước, nhiều đối tác về KHCN và đào tạo [MCGK.94].	Cần tăng cường, mở rộng hợp tác quốc tế với các đối tác mới, các nước mới; tiếp tục phát huy và duy trì các HTQT truyền thống. Các HTQT cần xây dựng mạng lưới với nhiều đối tác trên thế giới để đi vào mạng lưới bền vững.
Tiêu chí 8.2	Đạt	Cần nhân rộng mô hình đào tạo sandwich dưới sự tài trợ toàn bộ hoặc một phần của đối tác. Ngoài ra, Nhà trường cần có biện pháp tăng cường năng lực tiếng Anh cho cán bộ và SV. Nhà trường nên xây dựng các chương trình chất lượng cao để thu hút SV giỏi vào học hoặc chương trình có sử dụng tiếng Anh	Đã nhân rộng mô hình đào tạo sandwich với một số đối tác, trong đó cử cán bộ đi học theo mô hình sandwich ở các dự án HTQT [MCGK.95]. Nhà trường đã tổ chức nhiều seminar quốc tế, hội thảo quốc tế, trao đổi sinh viên quốc tế để tạo điều kiện cho cán bộ và sinh viên giao	Cần xây dựng các chương trình đào tạo sandwich, trong đó dạy và học cả ở trường ĐHNL và ở nước ngoài. Xây dựng các chương trình đào tạo tiên tiến, giảng dạy bằng tiếng Anh để tạo

Tiêu chuẩn/Tiêu chí <i>(Trình bày lần lượt theo các tiêu chuẩn và tiêu chí)</i>	Kết quả KĐCLGD (Đạt /Chưa đạt)	Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng theo khuyến nghị của Đoàn đánh giá ngoài và của Hội đồng KĐCLGD*	Các hoạt động cải tiến chất lượng đã thực hiện và kết quả (kèm theo mã minh chứng)**	Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng trong nửa kỳ tiếp theo***
		trong giảng dạy và học tập. Đây là cơ sở để mở rộng giao lưu, trao đổi HTQT.	lưu quốc tế, nâng cao năng lực tiếng Anh [MCGK.96].	môi trường tốt cho cán bộ và sinh viên giao tiếp.
Tiêu chí 8.3	Đạt	Để mở rộng hợp tác trong NCKH, Nhà trường nên ưu tiên xây dựng các nhóm nghiên cứu mạnh; Tăng cường hình thức tổ chức hội thảo, seminar khoa học quốc tế tại Trường và có chế độ khuyến khích các nhà khoa học của Trường đi tham dự các hội nghị hội thảo quốc tế để có cơ hội giao lưu phát triển hợp tác.	Đã xây dựng được 03 nhóm nghiên cứu mạnh cấp Đại học Huế, nhiều nhóm đang đăng ký. Trong nhà trường cũng xây dựng các nhóm nghiên cứu liên ngành để phục vụ nghiên cứu cho các vấn đề phức tạp, trọng điểm [MCGK.97]. Đã tổ chức nhiều hội thảo, seminar khoa học quốc tế tại Trường và cử cán bộ, nhà khoa học đi tham dự các hội nghị hội thảo quốc tế [MCGK.96].	Phát triển các hội thảo quốc tế có thương hiệu của trường, thường xuyên tổ chức trao đổi cán bộ và sinh viên quốc tế. Cần có chính sách để cử cán bộ đi tham gia hội thảo quốc tế nhằm phát triển thương hiệu và tạo mối quan hệ hợp tác.

Tiêu chuẩn/Tiêu chí <i>(Trình bày lần lượt theo các tiêu chuẩn và tiêu chí)</i>	Kết quả KĐCLGD (Đạt /Chưa đạt)	Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng theo khuyến nghị của Đoàn đánh giá ngoài và của Hội đồng KĐCLGD*	Các hoạt động cải tiến chất lượng đã thực hiện và kết quả (kèm theo mã minh chứng)**	Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng trong nửa kỳ tiếp theo***
Tiêu chuẩn 9. Thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác				
Tiêu chí 9.1	Chưa đạt	Nhà trường cần giao cho các khoa rà soát đề cương học phần và phối hợp với Trung tâm Thông tin - Thư viện bổ sung các tài liệu tham khảo đầy đủ theo yêu cầu của chuyên môn đã được Nhà trường phê duyệt, đảm bảo phục vụ các hoạt động học tập, giảng dạy và nghiên cứu của người học và GV. Nhà trường cần có giải pháp kỹ thuật để thư viện điện tử của Trường tương thích với chuẩn các thư viện chung nhằm khai thác có hiệu quả cơ sở dữ liệu liên quan; cần bồi dưỡng kỹ năng chuyên môn và cập nhật kiến thức hằng năm cho đội ngũ nhân viên thư viện, đặc biệt là đối tượng nhân viên không đúng chuyên ngành được đào tạo.	Tính đến 15/9/2019 TT TT-TV đã bổ sung 4.319 cuốn giáo trình, tài liệu tham khảo các loại [MCGK.98]. Đưa vào sử dụng phần mềm thư viện điện tử mới KOHA [MCGK.99] có đầy đủ tính năng, tương thích với tiêu chuẩn thư viện hiện đại, tiêu chuẩn quốc tế. Đang triển khai phần mềm thư viện số DSpace [MCGK.100] để tăng cường nguồn lực thông tin điện tử. Tiến hành khảo sát mức độ hài lòng của người học [MCGK.101]	Tiếp tục bổ sung giáo trình, tài liệu cho các ngành đào tạo mới. Phát triển nguồn tài liệu điện tử, ưu tiên số hóa tài liệu có giá trị sử dụng cao. Khảo sát, thăm dò mức độ hài lòng của người học. Bồi dưỡng kỹ năng chuyên môn cho cán bộ thư viện

Tiêu chuẩn/Tiêu chí <i>(Trình bày lần lượt theo các tiêu chuẩn và tiêu chí)</i>	Kết quả KĐCL GD (Đạt /Chưa đạt)	Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng theo khuyến nghị của Đoàn đánh giá ngoài và của Hội đồng KĐCLGD*	Các hoạt động cải tiến chất lượng đã thực hiện và kết quả (kèm theo mã minh chứng)**	Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng trong nửa kỳ tiếp theo***
		Đồng thời, Nhà trường cần tiến hành khảo sát tình hình sử dụng thư viện, thư viện điện tử, Trung tâm Học liệu ĐH Huế của người học, đồng thời thăm dò đánh giá mức độ hài lòng của độc giả đối với hoạt động phục vụ của thư viện để có giải pháp cải thiện chất lượng phục vụ.		
Tiêu chí 9.2	Đạt	Nhà trường cần đầu tư thêm các phòng học bộ môn, một số giảng đường lớn để đáp ứng yêu cầu giảng dạy các học phần có số SV đăng ký nhiều. Nhà trường cần tiến hành khảo sát đánh giá tần suất sử dụng các giảng đường, khu thực hành, thí nghiệm để đầu tư đồng bộ và khai thác có hiệu quả; cần đánh giá sự hài lòng của người sử dụng để có biện pháp nâng cao chất lượng phục vụ.	Từ năm 2017 đến nay nhà trường đã xây dựng thêm 01 toà nhà làm việc + phòng học (đặt tên là Nhà E) tại cơ sở chính, số 102 Phùng Hưng, thành phố Huế. Trong toà nhà này có 5 phòng học được đánh số E1 đến E5 [MCGK.75].	Cần thực hiện khảo sát mỗi năm 1 lần về việc sử dụng giảng đường, để đầu tư và khai thác có hiệu quả
Tiêu chí 9.3	Đạt	Nhà trường cần mở rộng diện tích các phòng thực hành, thí nghiệm; tăng cường kinh phí đầu tư mua sắm, tu sửa bảo dưỡng, hút ẩm, hút độc các trang thiết bị đào tạo kịp		Cần thực hiện khảo sát lấy ý kiến mỗi năm 1 lần về việc sử dụng các phòng thí

Tiêu chuẩn/Tiêu chí (Trình bày lần lượt theo các tiêu chuẩn và tiêu chí)	Kết quả KĐCL GD (Đạt /Chưa đạt)	Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng theo khuyến nghị của Đoàn đánh giá ngoài và của Hội đồng KĐCLGD*	Các hoạt động cải tiến chất lượng đã thực hiện và kết quả (kèm theo mã minh chứng)**	Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng trong nửa kỳ tiếp theo***
		thời; cần có kế hoạch khai thác, sử dụng hiệu quả trang thiết bị, phòng thí nghiệm, thực hành đã đầu tư. Nhà trường cần khảo sát lấy ý kiến đánh giá của người học về mức độ hài lòng đối với số lượng, chất lượng và hiệu quả sử dụng trang thiết bị phục vụ hoạt động đào tạo để có kế hoạch và biện pháp tăng cường chất lượng và hiệu quả hệ thống phòng thí nghiệm và các trang thiết bị.		nghiệm, thực hành, để đầu tư và khai thác có hiệu quả
Tiêu chí 9.4	Đạt	Nhà trường cần có đánh giá phản hồi về chất lượng cung cấp dịch vụ. Nhà trường cần có các quy định về quản lý và sử dụng, thanh lý, trang bị mới, trang bị lại thiết bị tin học cho GV và nhân viên Nhà trường; các quy định, kế hoạch về đào tạo, tập huấn cán bộ thông tin đào tạo sử dụng phần mềm.		Cần định kỳ tổ chức tập huấn sử dụng các trang thiết bị tin học mới, các phần mềm quản lý cho cán bộ viên chức
Tiêu chí 9.5	Đạt	Nhà trường cần làm việc với ĐH Huế về công tác tăng cường CSVC cho KTX của SV, đáp ứng nhu cầu của người học; tăng cường	Nhà trường đã làm việc với Đại học Huế, đã sửa chữa KTX Tây Lộc để phục vụ học tập và nơi ở cho sinh viên tốt hơn [MCGK.102]. Nhà trường đã	Phòng CTSV cần phối hợp làm việc với TTPVSV-Đại học Huế để có biện pháp

Tiêu chuẩn/Tiêu chí (Trình bày lần lượt theo các tiêu chuẩn và tiêu chí)	Kết quả KĐCL GD (Đạt /Chưa đạt)	Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng theo khuyến nghị của Đoàn đánh giá ngoài và của Hội đồng KĐCLGD*	Các hoạt động cải tiến chất lượng đã thực hiện và kết quả (kèm theo mã minh chứng)**	Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng trong nửa kỳ tiếp theo***
		các thiết bị phục vụ văn hóa, thể thao, văn nghệ cho người học; thường xuyên lấy ý kiến và giải đáp các ý kiến của người học về giảng đường, ký túc xá, điều kiện hỗ trợ người học. Phối hợp với công an và chính quyền địa phương và ĐH Huế chỉ đạo Ban quản lý KTX làm tốt công tác an ninh trật tự, tuyên truyền phổ biến pháp luật cho SV.	xây dựng khu liên hợp thể thao và có chính sách hỗ trợ sinh viên khi tham gia tập luyện thể thao [MCGK.103]. Đầu năm học trong tuần SHCD nhà trường đã mời công an thành phố Tuyên truyền, giáo dục pháp luật về phòng chống HIV/AIDS, ma túy, mại dâm và các tệ nạn xã hội; Tuyên truyền, giáo dục về phòng, chống tác hại của trò chơi trực tuyến có nội dung bạo lực và không lành mạnh [MCGK.104]. Từng học kỳ nhà trường tổ chức họp giao ban với công an thành phố, công an 4 phường và KTX Tây Lộc để tăng cường an ninh KTX và giám sát thực hiện nghiêm túc nội quy KTX [MCGK.105].	tăng cường an ninh trong khu KTX Tây Lộc. Nhà trường tiếp tục hỗ trợ cho người học khi sử dụng sân bãi luyện tập thể thao ngoài giờ.
Tiêu chí 9.6	Đạt	Nhà trường cần có các quy định rõ và định hướng phát triển CSVC về diện tích làm việc cho cán bộ cơ hữu, nhân viên, GS, PGS.		Cần công bố tiêu chuẩn về trang cấp bàn ghế làm việc của PGS, GS

Tiêu chuẩn/Tiêu chí (Trình bày lần lượt theo các tiêu chuẩn và tiêu chí)	Kết quả KĐCL GD (Đạt /Chưa đạt)	Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng theo khuyến nghị của Đoàn đánh giá ngoài và của Hội đồng KĐCLGD*	Các hoạt động cải tiến chất lượng đã thực hiện và kết quả (kèm theo mã minh chứng)**	Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng trong nửa kỳ tiếp theo***
Tiêu chí 9.7	Đạt	Nhà trường nên hoàn thiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cơ sở còn lại của Trường để thuận lợi cho công tác quy hoạch, phát triển CSVC của Trường trước mắt và lâu dài; nên huy động mọi nguồn lực, kể cả kinh phí ngoài ngân sách Nhà nước để mở rộng CSVC, trước tiên là giảng đường phục vụ công tác giảng dạy và học tập của Trường.	Từ năm 2017 đến nay, nhà trường đã gia hạn quyền sử dụng đất cho cơ sở Tứ Hạ tại thị xã Hương Trà và sẽ định kỳ gia hạn theo quy định của pháp luật	
Tiêu chí 9.8	Đạt	Nhà trường cần sớm hoàn thành Quy hoạch chi tiết cho 04 cơ sở theo các tỷ lệ 1/500 và 1/1000. Trên cơ sở quy hoạch được duyệt mới có thể huy động, mời gọi các nguồn lực ngoài ngân sách Nhà nước cho công tác mở rộng CSVC của Trường; cần rà soát quy hoạch tổng thể cả 05 cơ sở, có cơ chế khuyến khích thu hút nguồn vốn ngoài ngân sách Nhà nước cho việc xây dựng CSVC của Trường.	Từ năm 2017 đến nay nhà trường đã từng bước xây dựng hàng rào, xác định ranh giới các cơ sở thực hành thực tập của nhà trường để tiến tới quy hoạch chi tiết cho các cơ sở này.	Cần quy hoạch chi tiết cho 4 cơ sở thực hành thực tập theo các tỉ lệ 1/500 và 1/1000

Tiêu chuẩn/Tiêu chí <i>(Trình bày lần lượt theo các tiêu chuẩn và tiêu chí)</i>	Kết quả KĐCLGD (Đạt /Chưa đạt)	Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng theo khuyến nghị của Đoàn đánh giá ngoài và của Hội đồng KĐCLGD*	Các hoạt động cải tiến chất lượng đã thực hiện và kết quả (kèm theo mã minh chứng)**	Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng trong nửa kỳ tiếp theo***
Tiêu chí 9.9	Chưa đạt	Nhà trường nên có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao tính chuyên nghiệp cho các thành viên tổ bảo vệ.	Đã phối hợp triển khai các hoạt động tập huấn nghiệp vụ cho toàn thể đội ngũ bảo vệ vào tháng 10 năm 2016 [MCGK.106]	Tiến hành cử cán bộ tham gia các lớp tập huấn nghiệp vụ về bảo vệ khi có thông báo.
		Nhà trường nên bổ sung các trang thiết bị phòng cháy chữa cháy; hoàn thiện các văn bản phổ biến quy định, quy chế an toàn, an ninh trong khuôn viên Trường và kiến nghị ĐH Huế tăng cường công tác đảm bảo an ninh tại KTX.	Đã trang bị đầy đủ trang thiết bị phòng cháy, chữa cháy theo quy định; Có quy định về thực hiện vệ sinh, an toàn tại các đơn vị [MCGK.107] Đã xây dựng Hồ sơ theo dõi công tác phòng cháy, chữa cháy và phương án chữa cháy cơ sở đã được cảnh sát PC&CC tỉnh Thừa Thiên Huế phê duyệt [MCGK.108]. Nhà trường đã ký cam kết, giao ban với công an tỉnh, thành phố, phường thường xuyên để phối hợp và xây dựng phương án bảo vệ; Thành lập đội an ninh sinh viên trong trường để hỗ trợ công tác bảo vệ;	Kiểm tra thường xuyên công tác phòng cháy, vệ sinh và các trang thiết bị hỗ trợ. Tăng cường hoạt động tuần tra, bảo vệ đảm bảo an ninh trong nhà trường.

Tiêu chuẩn/Tiêu chí (Trình bày lần lượt theo các tiêu chuẩn và tiêu chí)	Kết quả KĐCLGD (Đạt /Chưa đạt)	Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng theo khuyến nghị của Đoàn đánh giá ngoài và của Hội đồng KĐCLGD*	Các hoạt động cải tiến chất lượng đã thực hiện và kết quả (kèm theo mã minh chứng)**	Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng trong nửa kỳ tiếp theo***
			Lắp hệ thống Camera toàn bộ khu vực làm việc, giảng đường để giám sát an ninh trong nhà trường [MCGK.109].	
		Nhà trường cần xây dựng hệ thống sổ theo dõi thiết bị cho từng phòng máy, lắp đặt thiết bị hút độc, đảm bảo an toàn, vệ sinh phòng thí nghiệm, thực hành, v.v.		Các khoa phải quản lý trang thiết bị phòng thực hành thí nghiệm ... bằng sổ sách theo dõi
Tiêu chuẩn 10. Tài chính và quản lý tài chính				
Tiêu chí 10.1	Đạt	Việc phát triển nguồn thu không chỉ là vấn đề tài chính đơn thuần, để có thể tự chủ tài chính, tạo được các nguồn thu hợp pháp là công việc của toàn Trường, đặc biệt là của cán bộ, giảng viên có năng lực chuyên môn. Cần "... nâng cao rõ rệt quy mô và hiệu quả hoạt động KHCN trong các cơ sở giáo dục ĐH. Các trường ĐH lớn phải là các trung tâm NCKH mạnh của cả nước; nguồn thu từ	Nhà trường chưa đưa ra giải pháp, cơ chế và chính sách cụ thể trong việc tăng cường nguồn thu từ KHCN. Việc tìm kiếm các dự án, đề tài NCKH chỉ chủ yếu là nỗ lực của từng cá nhân/nhóm nghiên cứu nhân danh Nhà trường để tìm kiếm dự án, nguồn thu vào quỹ Phúc lợi của Nhà trường	Nhà trường tiếp tục nghiên cứu chính sách và cơ chế rõ ràng cho cá nhân/nhóm nghiên cứu về tài chính, thời gian... để cân bằng lợi ích của Nhà trường với cá nhân/nhóm nghiên cứu để tăng nguồn thu từ NCKH.

Tiêu chuẩn/Tiêu chí (Trình bày lần lượt theo các tiêu chuẩn và tiêu chí)	Kết quả KĐCLGD (Đạt /Chưa đạt)	Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng theo khuyến nghị của Đoàn đánh giá ngoài và của Hội đồng KĐCLGD*	Các hoạt động cải tiến chất lượng đã thực hiện và kết quả (kèm theo mã minh chứng)**	Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng trong nửa kỳ tiếp theo***
		các hoạt động KHCN, sản xuất và dịch vụ đạt tối thiểu 15% tổng nguồn thu của các cơ sở giáo dục ĐH vào năm 2010 và 25% vào năm 2020” (trích Nghị quyết số 14/2005/NQ-CP). Vì thế, Nhà trường nên có kế hoạch chiến lược trong nghiên cứu chuyển giao công nghệ và các hoạt động sản xuất dịch vụ áp dụng các thành quả NCKH, ứng dụng và công nghệ của các cán bộ, GV trong Trường. Xem việc tăng tỷ trọng nguồn thu từ chuyển giao công nghệ và sản xuất là một trong những tiêu chí phát triển của Nhà trường.	chỉ từ 2%-5% tổng kinh phí đề tài cho Nhà trường.	
Tiêu chí 10.2	Đạt	Nhà trường nên có kế hoạch tài chính bổ sung cho phù hợp với kết quả tuyển sinh hàng năm do nguồn thu chủ yếu của Nhà trường vẫn là học phí; cần đưa việc điều tra, khảo sát cán bộ, GV, nhân viên toàn Trường về kế hoạch, quản lý tài chính hàng năm vào quy trình quản lý tài chính của Trường.	Hiện nay, việc lập kế hoạch nguồn thu/giải pháp chỉ mang tính ngắn hạn thông qua hội nghị tài chính hàng năm dựa vào kết quả tuyển sinh hàng năm. Về ý kiến của CBVC chỉ thông qua hội nghị CBVC hàng năm hoặc các ý kiến góp ý tại hội nghị phân bổ Tài chính hằng năm.	Tiếp tục nghiên cứu, đề xuất giải pháp tăng nguồn thu ngoài học phí hằng năm nhằm đảm bảo tài chính bền vững, đặc biệt là từ NCKH

Tiêu chuẩn/Tiêu chí <i>(Trình bày lần lượt theo các tiêu chuẩn và tiêu chí)</i>	Kết quả KĐCL GD (Đạt /Chưa đạt)	Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng theo khuyến nghị của Đoàn đánh giá ngoài và của Hội đồng KĐCLGD*	Các hoạt động cải tiến chất lượng đã thực hiện và kết quả (kèm theo mã minh chứng)**	Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng trong nửa kỳ tiếp theo***
Tiêu chí 10.3	Đạt	Nhà trường cần tổ chức đánh giá hiệu quả đầu tư, ví dụ đầu tư cho NCKH và thu từ các hoạt động NCKH chuyển giao công nghệ và sản xuất dịch vụ theo đúng ngành nghề đào tạo. Nhà trường cần có cơ chế thanh lý và thực hiện định kỳ theo dõi, đánh giá tần suất sử dụng, thời hạn khấu hao và đánh giá giá trị hiện tại của thiết bị để nâng cao hiệu quả đầu tư CSVC.	Chưa phân định được tài sản nào đầu tư cho NCKH, tài sản nào đầu tư cho đào tạo từ các đơn vị liên quan (phòng CSVC). Hàng năm Nhà trường tổ chức khấu hao tài sản cũng theo quy định của Nhà nước hiện hành cũng như thanh lý những tài sản hỏng không còn sử dụng. Tuy nhiên chưa theo dõi đánh giá tần suất sử dụng tài sản.	Nhà trường tiến hành xây dựng tiêu chí đánh giá tần suất sử dụng tài sản của đơn vị quản lý tài sản cố định (hiện tại là phòng CSVC)

PHẦN III: KẾ HOẠCH CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG

Nhà trường xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng cho nửa kỳ tiếp theo, trong đó, ngoài việc khắc phục các vấn đề tồn tại đã được đánh giá theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp tại Văn bản hợp nhất số 06/VBHN-BGDĐT ngày 04/3/2014, kế hoạch cải tiến chất lượng của nhà trường **nên tham khảo thêm** các yêu cầu của bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo **Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT** ngày 19/5/2017 và hướng dẫn **theo Công văn số 768/QLCL-KĐCLGD** ngày 20/4/2018 của Cục Quản lý chất lượng.

TT	Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng***	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Tiếp tục công bố và phổ biến sứ mạng của Nhà trường đến các bên liên quan.	Các đơn vị Khoa, Phòng	2019 - 2024	
2	Thảo luận, lấy ý kiến các bên liên quan về điều chỉnh sứ mạng phát triển của Nhà trường trong giai đoạn mới	Các đơn vị Khoa, Phòng	2020 - 2021	
3	Đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu giáo dục của Nhà trường và điều chỉnh mục tiêu giáo dục để phù hợp với Luật Giáo dục đại học sửa đổi năm 2018	Các đơn vị Khoa, Phòng	2020 - 2021	
4	Nhà trường tiếp tục thu thập thông tin cựu SV và sẽ phân tích tổng hợp để có báo cáo tổng hợp.	Phòng CTSV, KT&ĐBCL	2017-2022	
5	Nhà trường tiếp tục thu thập thông tin cựu SV và sẽ phân tích tổng hợp để có phân tích, đánh giá kết quả thông tin thu thập để xây dựng kế hoạch điều chỉnh hoạt động đào tạo ở tất cả các ngành cho phù hợp với yêu cầu của xã hội.	Phòng CTSV, phòng ĐT	2017-2022	
6	Nhà trường tiếp tục thu thập thông tin cựu SV và sẽ phân tích tổng hợp để có phân tích, đánh giá kết quả thông tin thu thập để xây dựng kế hoạch	Phòng CTSV	2017	

TT	Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng***	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
	điều chỉnh hoạt động đào tạo ở tất cả các ngành cho phù hợp với yêu cầu của xã hội			
7	Nhà trường cần bổ sung khảo sát về việc người học có được hướng dẫn đầy đủ về chương trình môn học, cách thức KTĐG ngay từ đầu môn học	Phòng ĐT, phòng KT&ĐBCL	2017-2022	
8	Phòng CTSV kết hợp với phòng Đào tạo cần khuyến khích động viên sv các hệ tham gia các hoạt động của nhà trường, tích cực phổ biến nội quy, quy định của Nhà trường, một số chế độ chính sách, quy định của Pháp luật đối với sinh viên hệ Cao học, VHVL, LT.	Phòng CTSV, phòng ĐT	2017-2022	
9	Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng các chương trình hoạt động Đoàn, Hội thu hút đông đảo sinh viên các hệ LT, CD, VLVH, SDH tham gia, lồng ghép các hoạt động có tính chất giáo dục chính trị, tư tưởng để nâng cao phẩm chất, đạo đức người học.	Phòng CTSV, Đoàn TN - Hội SV và các Khoa	2017-2022	
10	Phòng CSVC cần có kế hoạch bổ sung nhân lực y tế có trình độ.	Phòng CSVC	2019-2021	
11	Bổ sung nội quy, hướng dẫn, bồi dưỡng tập huấn cho cán bộ giảng viên và người học để đảm bảo an toàn cho các phòng thực hành thí nghiệm.	Các khoa chuyên môn	2018-2010	
12	Phòng CTSV kết hợp với phòng ĐT tổ chức trong tuần sinh hoạt công dân đầu năm học cho người học hệ Cao học, cần phổ biến tình hình việc làm, CTĐT, KTĐG của các ngành nghề đào tạo trong tuần sinh hoạt công dân đầu năm học cho sv.	Phòng CTSV, phòng ĐT	2019-2022	
13	Phòng CTSV cần phối hợp làm việc với TTPVSV-Đại học Huế cần có biện pháp tăng cường an ninh trong khu KTX Tây Lộc.	Phòng CTSV	2018 đến nay	

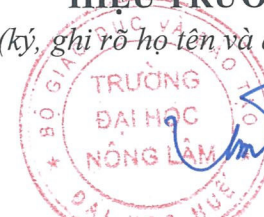
TT	Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng***	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
14	Nhà trường cần tiếp tục hỗ trợ cho người học khi sử dụng sân bãi luyện tập thể thao ngoài giờ.	Phòng CTSV, đơn vị đầu thầu Khu thể thao	2018 đến nay	
15	Xây dựng bộ công cụ khảo sát các bên liên quan về chất lượng các mặt hoạt động của Nhà trường	Phòng KT&ĐBCLGD và các đơn vị	2020 - 2021	
16	Chiến lược phát triển khoa học công nghệ và kế hoạch nhiệm vụ hàng năm	Phòng KHCN-HTQT	10/2019-12/2020	
17	Đánh giá kết quả hoạt động KHCN trong 05 năm	Phòng KHCN-HTQT	Tháng 10/2019	
18	Cơ chế chính sách cụ thể hơn, hướng tới khoản KHCN, tự chủ về hoạt động KHCN của các đơn vị	Phòng KHCN-HTQT	10/2019-12/2020	
19	Hoàn thiện các qui định quản lý hoạt động KHCN	Phòng KHCN-HTQT	10/2019-12/2020	
20	Xây dựng các nhóm nghiên cứu quốc tế mạnh	Phòng KHCN-HTQT và các đơn vị	10/2019-12/2025	
21	Tái cấu trúc Bộ môn theo định hướng nghiên cứu để xây dựng các nhóm nghiên cứu mạnh, liên ngành.	Ban giám hiệu và các đơn vị	10/2019-12/2020	
22	Qui định cụ thể về SHTT và chuyển giao KHCN	Phòng KHCN-HTQT và các đơn vị	12/2019-12/2020	
23	Chính sách, qui định cụ thể về quản lý trang thiết bị phục vụ NCKH	Phòng KHCN-HTQT và các đơn vị	10/2019-12/2020	
24	Xây dựng Qui định cụ thể về đạo đức trong khoa học, ứng xử với động vật thí nghiệm	Phòng KHCN-HTQT và các đơn vị	10/2019-12/2020	

TT	Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng***	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
25	Xây dựng Chiến lược hợp tác quốc tế giai đoạn 2020-2025	Phòng KHCN-HTQT và các đơn vị	10/2019-12/2020	
26	Mở rộng hợp tác quốc tế với các đối tác mới, các nước mới	Phòng KHCN-HTQT và các đơn vị	10/2019-12/2025	
27	Xây dựng các chương trình đào tạo tiên tiến, giảng dạy bằng tiếng Anh	Phòng KHCN-HTQT và các đơn vị	10/2019-12/2025	
28	Phát triển các hội thảo quốc tế có thương hiệu của trường	Phòng KHCN-HTQT và các đơn vị	10/2019-12/2025	
29	Tiếp tục bổ sung giáo trình, tài liệu cho các ngành đào tạo mới.	Trung tâm TT-TV	2019 - 2021	
30	Phát triển nguồn tài liệu điện tử, ưu tiên số hóa tài liệu có giá trị sử dụng cao.	Trung tâm TT-TV	2019 - 2021	
31	Khảo sát, thăm dò mức độ hài lòng của người học.	Trung tâm TT-TV	Định kỳ tháng 05/2020, 05/2021	
32	Bồi dưỡng kỹ năng chuyên môn cho cán bộ thư viện	Trung tâm TT-TV và Phòng TCHC	2020 - 2021	

Thừa Thiên Huế, ngày 31 tháng 10 năm 2019

HIỆU TRƯỞNG

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



PGS.TS. Lê Văn An

Phần phụ lục

DANH MỤC VÀ MÃ MINH CHỨNG

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
MCGK.01	Chiến lược phát triển của Trường Đại học Nông Lâm giai đoạn 2016 – 2020 và tầm nhìn đến 2030 (bản sửa đổi tháng 3/2017)	Số 419/QĐ-ĐHNL ngày 05/3/2017	Trường ĐHNL, ĐHH	
MCGK.02	Quyết định phê duyệt Kế hoạch chiến lược phát triển trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế giai đoạn 2016-2020 và tầm nhìn đến 2030.	Số 1137/QĐ-ĐHH ngày 12/09/2017	Đại học Huế	
MCGK.03	Báo cáo thường niên Trường Đại học Nông Lâm các năm 2017, 2018, 2019		Trường ĐHNL, ĐHH	
MCGK.04	Biên bản nhà trường đã làm việc với Ban Tổ chức cán bộ ĐHH, Bảo hiểm xã hội tỉnh xác định tổ để xác định vị trí, quyền lợi tổ trực thuộc phòng và thống nhất thành lập các tổ, cử tổ trưởng là đúng quy định nhưng được hưởng chế độ phụ trách nhiệm		Trường ĐHNL, ĐHH	
MCGK.05	Quyết định thành lập BCH hội Cựu sinh viên và tổ chức các hoạt động với nhà trường		Trường ĐHNL, ĐHH	
MCGK.06	Quy định đánh giá cán bộ giữa nhiệm kỳ cho toàn thể cán bộ lãnh đạo đảng từ bí thư chi bộ trở lên, cán bộ lãnh đạo các tổ chức đoàn thể, cán bộ quản lý từ cấp phó trưởng khoa và tương đương trở lên	Quyết định số 01- QĐ/ĐU ngày 28/7/2017	Trường ĐHNL, ĐHH	
MCGK.07	Biên bản về quy định và kết quả đánh giá, phân loại, thi đua, khen thưởng hằng năm		Trường ĐHNL, ĐHH	
MCGK.08	Quyết định thành lập nhóm cán bộ đầu mối đảm bảo chất lượng giáo dục Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế	Số 588/QĐ-ĐHNL ngày 31/5/2017	Trường ĐHNL, ĐHH	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
MCGK.09	Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn đến 2030	Quyết định số 419/QĐ-ĐHNL ngày 05/3/2017	Trường ĐHNL, ĐHH	
MCGK.10	Quyết định thành lập Hội đồng đánh giá và thẩm định Quy định về hoạt động đào tạo trình độ thạc sĩ bằng tiếng Anh	Quyết định số 1707/QĐ-ĐHNL-ĐT ngày 22/12/2018	Trường ĐHNL, ĐHH	
MCGK.11	Quyết định thành lập Ban soạn thảo Quy định về hoạt động đào tạo trình độ thạc sĩ bằng tiếng Anh	Quyết định số 1706/QĐ-ĐHNL-ĐT ngày 22/12/2018	Trường ĐHNL, ĐHH	
MCGK.12	Quyết định thành lập Hội đồng giám sát và hỗ trợ việc giảng dạy đào tạo trình độ thạc sĩ bằng tiếng Anh	Quyết định số 17176/QĐ-ĐHNL-ĐT ngày 20/12/2018	Trường ĐHNL, ĐHH	
MCGK.13	Quyết định ban hành chương trình đào tạo đại học (điều chỉnh, cập nhật) hệ chính quy năm 2017 (Xem các CTĐT tại https://huaf.edu.vn/category/dao-tao-tuyen-sinh-hoc-bong/dao-tao/dt-dai-hoc/)	Quyết định số 469/QĐ-ĐHNL ngày 03/5/2017	Trường ĐHNL, ĐHH	
MCGK.14	Quyết định ban hành chương trình đào tạo ngành Bất động sản	Quyết định số 190/QĐ-ĐHNL ngày 12/2/2018	Trường ĐHNL, ĐHH	
MCGK.15	Chương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai được cập nhật năm 2017 https://huaf.edu.vn/chuong-trinh-dao-tao-dai-hoc-nganh-quan-ly-dat-dai/	Quyết định số 469/QĐ-ĐHNL ngày 03/5/2017	Trường ĐHNL, ĐHH	
MCGK.16	Chương trình đào tạo ngành Lâm nghiệp được cập nhật năm 2017 https://huaf.edu.vn/chuong-trinh-dao-tao-dai-hoc-nganh-lam-nghiep/	Quyết định số 469/QĐ-ĐHNL ngày 03/5/2017	Trường ĐHNL, ĐHH	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
MCGK.17	Công văn của Đại học Huế đồng ý tổ chức đào tạo hệ VHVL theo học chế tín chỉ và Quyết định ban hành CTĐT ngành Thú y hệ VLVH.	Công văn 1422/ĐHH-ĐT ngày 16/11/2016	Đại học Huế	
MCGK.18	Công văn của Đại học Huế về thực hiện chương trình, giáo trình các môn Lý luận chính trị mới	Công văn số 1133/ĐHH-ĐT	Đại học Huế	
MCGK.19	Quyết định của Đại học Huế cho phép Trường Đại học Nông Lâm đào tạo trình độ tiến sĩ chuyên ngành Bảo vệ thực vật.	Quyết định 447/QĐ-ĐHH ngày 12/5/2017	Đại học Huế	
MCGK.20	Quyết định của Đại học Huế cho phép Trường Đại học Nông Lâm đào tạo trình độ tiến sĩ chuyên ngành Thú y.	Quyết định 448/QĐ-ĐHH ngày 12/5/2017	Đại học Huế	
MCGK.21	Quyết định của Đại học Huế cho phép Trường Đại học Nông Lâm đào tạo trình độ tiến sĩ chuyên ngành Nuôi trồng thủy sản.	Quyết định 446/QĐ-ĐHH ngày 12/5/2017	Đại học Huế	
MCGK.22	Quyết định của Đại học Huế cho phép Trường Đại học Nông Lâm đào tạo trình độ tiến sĩ ngành Công nghệ thực phẩm, mã số 9540101.	Quyết định 864/QĐ-ĐHH ngày 27/6/2019	Đại học Huế	
MCGK.23	Thông báo về việc thực hiện Tự đánh giá 07 Chương trình đào tạo	Số 174/TB-ĐHNL ngày 06/10/2017	Trường ĐHNL, ĐHH	
MCGK.24	Quyết định thành lập Hội đồng Tự đánh giá, Ban thư ký và các nhóm chuyên trách thực hiện tự đánh giá 07 CTĐT	Các số: 1180 - 1186/QĐ-ĐHNL ngày 20/10/2017	Trường ĐHNL, ĐHH	
MCGK.25	Thông báo kết luận cuộc họp Thống nhất tiến độ thực hiện Tự đánh giá 07 CTĐT.	Số 80/TB-ĐHNL ngày 27/4/2018	Trường ĐHNL, ĐHH	
MCGK.26	Quyết định thành lập nhóm thẩm định và nhóm tư vấn báo cáo Tự đánh giá các CTĐT trình độ đại học Trường Đại học Nông Lâm.	Số 885/QĐ-ĐHNL ngày 14/9/2018	Trường ĐHNL, ĐHH	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
MCGK.27	Quyết định thành lập các Ban thẩm định báo cáo tự đánh giá CTĐT trình độ đại học của Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế (dành cho 04 CTĐT: Nuôi trồng thủy sản, Khoa học cây trồng, Lâm nghiệp, Quản lý đất đai)	Số 1230/QĐ-ĐHH ngày 19/9/2019	Đại học Huế	
MCGK.28	Quy định sinh viên học cùng lúc hai chương trình đại học tại các đơn vị đào tạo thuộc Đại học Huế	Quyết định 666/QĐ-ĐHH ngày 29/5/2018	Đại học Huế	
MCGK.29	Quy định đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế	Quyết định 1588/QĐ-ĐHNL ngày 25/11/2018	Trường ĐHNL, ĐHH	
MCGK.30	Quyết định chuyển giao quản lý đào tạo ngành Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ hệ chính quy trình độ đại học từ Phân hiệu Đại học Huế tại Quảng Trị về Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế.	Số 36/QĐ-ĐHH ngày 15/1/2019	Đại học Huế	
MCGK.31	Quyết định thành lập Ban cập nhật CTĐT ngành Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ, bậc đại học	Số 103/QĐ-ĐHNL ngày 13/2/2019	Trường ĐHNL, ĐHH	
MCGK.32	Quyết định ban hành Chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ bậc đại học chính quy (cập nhật năm 2019).	Số 493/QĐ-ĐHNL ngày 13/6/2019	Trường ĐHNL, ĐHH	
MCGK.33	Công văn của Đại học Huế cho phép Trường Đại học Nông Lâm xây dựng Đề án mở ngành đào tạo mới: Đảm bảo chất lượng và An toàn thực phẩm; Bất động sản	Số 1523/ĐHH-ĐT	Đại học Huế	
MCGK.34	Quyết định ban hành Chương trình đào tạo ngành Đảm bảo chất lượng và An toàn thực phẩm trình độ đại học hệ chính quy.	Số 224/QĐ-ĐHNL ngày 01/3/2018	Trường ĐHNL, ĐHH	
MCGK.35	Quyết định ban hành Chương trình đào tạo ngành Bất động sản trình độ đại học hệ chính quy.	Số 190/QĐ-ĐHNL ngày 12/2/2018	Trường ĐHNL, ĐHH	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
MCGK.36	Quyết định công nhận 10 nghiên cứu sinh khóa năm 2017 của Đại học Huế	Số 480/QĐ-ĐHH ngày 16/5/2017	Đại học Huế	
MCGK.37	Quy định tổ chức, quản lý thi kết thúc học phần và thi tốt nghiệp tại Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế	Quyết định 1646/QĐ-ĐHNL ngày 14/12/2018	Trường ĐHNL, ĐHH	
MCGK.38	Thông báo biên soạn đề thi kết thúc học phần các lớp cao học theo quy định mới về tổ chức, quản lý thi kết thúc học phần và thi tốt nghiệp tại Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế	Số 59/TB-ĐHNL ngày 13/3/2017	Trường ĐHNL, ĐHH	
MCGK.39	Ảnh chụp Lấy ý kiến người học qua phân hệ Đánh giá học phần trên phần mềm Quản lý giáo dục		Trường ĐHNL, ĐHH	
MCGK.40	Báo cáo khảo sát thông tin việc làm của sinh viên tốt nghiệp sau khi tốt nghiệp 06 tháng và 12 theo quy định của bộ GD&ĐT	Số: 761/BC-ĐHNL-CTSV, ngày 25/12/2018	Phòng CTSV	
MCGK.41	Hàng năm đều tiến hành tổ chức ngày hội việc làm có hơn 40 doanh nghiệp tham gia và hơn 2000 chỉ tiêu việc làm cho sinh viên.		Phòng CTSV	
MCGK.42	Nhà trường đã giao Phòng Khảo thí và đảm bảo chất lượng giáo dục và Phòng Công tác sinh viên thực hiện khảo sát thu thập thông tin của đối với người học sau khi ra trường làm cơ sở cho việc cập nhật chương trình đào tạo, sau khi tốt nghiệp		Phòng CTSV	
MCGK.43	Căn cứ vào kết quả các cuộc khảo sát, đánh giá để lập kế hoạch hàng năm làm cơ sở để Nhà trường điều chỉnh hoạt động đào tạo theo hướng ngày càng phù hợp, đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp và xã hội, thực hiện tốt sứ mạng và nhiệm vụ được giao.		Phòng CTSV	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
MCGK.44	Quyết định số 236/QĐ-ĐHNL ngày 38/3/2016 về ban hành quy định về đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ, viên chức			
MCGK.45	Quyết định 227/QĐ-ĐHNL về quy hoạch chuyên môn giai đoạn 2016-2020 và 2021-2025			
MCGK.46	Kế hoạch, biên bản hội nghị CBVC&LD 2 lần/năm; Hội nghị thủ trưởng mở rộng 1 lần/quý.			
MCGK.47	Quyết định số 815/QĐ-ĐHNL về việc ban hành quy chế thực hiện dân chủ trong Trường Đại học Nông Lâm			
MCGK.48	Thủ tục, hồ sơ, cam kết khi ban hành quyết định đi học.			
MCGK.49	Thông báo những người đi học, đi công tác phải báo cáo kết quả, tình hình công tác, học tập và đưa vào công tác đánh giá, phân loại; thi đua, khen thưởng hằng năm			
MCGK.50	Quyết định số 272-QĐ-ĐHH về việc ban hành Quy định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, thôi giữ chức vụ đối với công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý tại Đại học Huế			
MCGK.51	Quyết định 927/QĐ-ĐHNL về quy định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài chức vụ lãnh đạo các đơn vị trong trường			
MCGK.52	Quyết định số 1018/QĐ-ĐHNL về việc ban hành quy định tuyển dụng viên chức trường Đại học Nông Lâm.			
MCGK.53	Quyết định số 1062/QĐ-ĐHNL về việc Quy định tuyển dụng viên chức và Hợp đồng lao động năm 2017.			
MCGK.54	Hồ sơ và chế độ kéo dài công tác với giảng viên có trình độ TS, GS, PGS			

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
MCGK.55	Hồ sơ và quyết định tiếp nhận các cán bộ công tác trong ĐHH.			
MCGK.56	Quyết định 1198/QĐ/ĐHNL về quy định chế độ làm việc của giáo viên.			
MCGK.57	Các quyết định cử đi bồi dưỡng cao cấp chính trị; bồi dưỡng chứng chỉ Quản lý nhà nước ngạch chuyên viên chính; bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp Giảng viên chính hạng II; chứng chỉ Quản lý nhà nước ngạch chuyên viên			
MCGK.58	Quyết định phân công giáo viên CVHT cho các lớp LT, VB2.	Số 1039/QĐ-ĐHNL ngày 14/09/2017; Số 139/HD-ĐHNL ngày 10/8/2017;	Phòng CTSV	
MCGK.59	Phổ biến và làm các quyết định MGHP cho sinh viên các hệ liên thông, văn bằng chính quy	Số : 137/HD-ĐHNL ngày 10/8/2017 ; Số : 364/QĐ-ĐHNL ngày 07/09/2018	Phòng CTSV	
MCGK.60	Trong năm học nhà trường đã tổ chức tuần SHCD, tổng kết năm học theo cấp khoa, trường và mời các doanh nghiệp tham gia để tiết thu ý kiến đóng góp của sinh viên và doanh nghiệp để cung cấp thông tin về thị trường lao động, và vị trí việc làm	Số : 374/ĐHNL- CTSV ngày 22/08/2019	Phòng CTSV	
MCGK.61	Tổ y tế đã kết hợp với Viện quân y 268 để đưa sinh viên khám sức khỏe ban đầu cho sinh viên	Biên bản, hợp đồng khám sức khỏe cho sinh viên với bệnh viện 268	Phòng CTSV	
MCGK.62	Hợp đồng cho thuê khu liên hợp thể thao trong đó có chính sách hỗ trợ cho sinh viên khi tham gia tập luyện thể thao	Hợp đồng thuê khu thể thao	Phòng TCHC	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
MCGK.63	Tùng học kỳ nhà trường tổ chức giao bao và giữa công an thành phố, công an 4 phường và KTX Tây Lộc để tăng cường an ninh KTX và giám sát thực hiện nghiêm túc nội quy KTX	Số: 205/ĐHNL-CTSV, ngày 04/6/2019	Phòng CTSV	
MCGK.64	Kế hoạch triển khai tuần sinh hoạt công dân 2018-2019	Số 374/ĐHNL-CTSV ngày 22/08/2018	Phòng CTSV	
MCGK.65	Báo cáo thực hiện tuần sinh hoạt công dân năm học 2017-2018	Số 48/BC-ĐHNL-CTSV ngày 29/12/2017	Phòng CTSV	
MCGK.66	Kế hoạch triển khai tuần sinh hoạt công dân 2018-2019	Số 251/ĐHNL-CTSV ngày 13/8/2019	Phòng CTSV	
MCGK.67	Thông báo gấp mặt đầu khóa sinh viên liên thông K52		Phòng Đào tạo	
MCGK.68	Thông báo cuộc thi học tập làm theo tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh		Đoàn Thanh niên	
MCGK.69	Thông báo cuộc thi tiểu phẩm phòng chống tệ nạn xã hội		Đoàn Thanh niên	
MCGK.70	Thông báo cuộc thi Bông lúa vàng		Đoàn Thanh niên	
MCGK.71	Giao diện trang web svnonglam.org		Đoàn Thanh niên	
MCGK.72	Nhà trường đã tổ chức SHL định kỳ hàng tháng.	Số: 204/TB-ĐHNL, ngày 31/8/2019	Phòng CTSV	
MCGK.73	Đầu năm học tổ chức tổng kết năm học theo cấp khoa, trường để tiếp thu ý kiến đóng góp của sinh viên.	Kế hoạch tổng kết năm học, biên bản đối thoại giữa sinh viên với khoa chuyên môn	Phòng CTSV, Khoa chuyên môn	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
MCGK.74	Nhà trường đã phân công giáo viên CVHT cho các lớp LT, VB2 và đã phổ biến và làm các quyết định MGHP cho sinh viên	Số 1039/QĐ-ĐHNL ngày 14/09/2017; Số 139/HD-ĐHNL ngày 10/8/2017; Số 137/HD-ĐHNL ngày 10/8/2017; Số 364/QĐ-ĐHNL ngày 07/09/2018	Phòng CTSV	
MCGK.75	Hình ảnh Giảng đường E được Nhà trường xây mới và Đại học Huế đã sửa chữa KTX Tây Lộc để phục vụ học tập và nơi ở cho sinh viên tốt hơn	Hợp đồng xây dựng giảng đường E, hợp đồng sửa chữa KTX Tây Lộc	Phòng CSVC, Đại học Huế	
MCGK.76	Quyết định cử sinh viên đi thực tập sinh các nước Nhật Bản, Israel, Đan Mạch		Phòng CTSV, phòng KHCN&HTQT	
MCGK.77	Quyết định thành lập câu lạc bộ Khởi nghiệp		Đoàn Thanh Niên-Hội Sinh viên	
MCGK.78	Thông báo nhắc nhở sinh viên trả lời phiếu khảo sát hoạt động giảng dạy và dữ liệu khảo sát trên phần mềm Quản lý giáo dục (https://qlgd.huaf.edu.vn)	Số 208/TB-ĐHNL ngày 07/9/2018	Trường ĐHNL, ĐHH	
MCGK.79	Quyết định ban hành Kế hoạch chiến lược phát triển trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế giai đoạn 2016-2020 và tầm nhìn đến 2030.	Số 419/QĐ-ĐHNL ngày 5/3/2017	Trường ĐHNL, ĐHH	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
MCGK.80	Quyết định phê duyệt Kế hoạch chiến lược phát triển trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế giai đoạn 2016-2020 và tầm nhìn đến 2030.	Số 1137/QĐ-ĐHH ngày 12/09/2017	Đại học Huế	
MCGK.81	Bản kế hoạch phân bổ tài chính hàng năm của tại Hội nghị tài chính 2017, 2018, 2019	Số 73/KHTC-ĐHNL ngày 10/4/2017; Số 51/KHTC-ĐHNL ngày 22/3/2018; Số 62/KHTC-ĐHNL ngày 7/3/2019	Trường ĐHNL, ĐHH	
MCGK.82	Tổng hợp danh mục đề tài, dự án cấp Bộ, cấp tỉnh, địa phương liên kết với trường	Danh mục tổng hợp theo báo cáo hàng năm của trường	Trường ĐHNL, ĐHH	
MCGK.83	Kế hoạch KHCN hằng năm 2017, 2018, 2019	Năm 2017, 2018, 2019	Trường Đại học Nông Lâm, ĐHH	
MCGK.84	Quyết định của Hiệu trưởng Trường ĐHNL, ĐHH về việc ban hành Quy định hoạt động nghiên cứu khoa học cấp cơ sở của Trường ĐHNL, ĐHH;	Số 390/QĐ-ĐHNL ngày 28/05/2019	Trường Đại học Nông Lâm, ĐHH	
MCGK.85	Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường ĐHNL	Số 1215/QĐ-ĐHNL ngày 07/11/2017, Điều 16, khoản 2	Trường Đại học Nông Lâm, ĐHH	
MCGK.86	Danh mục các bản ghi nhớ hợp tác với các tỉnh ở khu vực miền Trung – Tây Nguyên	Bảng tổng hợp	Trường Đại học Nông Lâm, ĐHH	
MCGK.87	Danh mục các đề tài Nafosted, đề tài Bảo tồn gen	Bảng tổng hợp và các quyết định giao đề tài	Trường Đại học Nông Lâm, ĐHH	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
MCGK.88	Quy định chế độ làm việc đối với giáo viên	Quyết định số 1198/QĐ-ĐHNL ngày 24/10/2017	Trường Đại học Nông Lâm, ĐHH	
MCGK.89	Tổng hợp số lượng đề tài qua các năm, danh mục các dự án sản xuất thử nghiệm cấp trường, đề tài cấp trường trọng điểm	Bảng tổng hợp có xác nhận của trường	Trường Đại học Nông Lâm, ĐHH	
MCGK.90	Quy định các sản phẩm của đề tài, dự án về sản phẩm đào tạo	- Quy định số 1519/QĐ-ĐHH-KHKCN về quản lý đề tài cấp Đại học Huế; Quy định số Số 390/QĐ-ĐHNL ngày 28/05/2019 về quản lý đề tài cấp trường, sinh viên; Danh mục các thông báo triển khai kế hoạch KHCN hằng năm cho các cấp đề tài.	Đại học Huế; Trường Đại học Nông Lâm, ĐHH	
MCGK.91	Danh mục CSVN, thiết bị được mua sắm từ các dự án, đề tài HTQT	Bảng tổng hợp có xác nhận của trường	Trường Đại học Nông Lâm, ĐHH	
MCGK.92	Quy định cụ thể về tiêu chuẩn năng lực và đạo đức trong các hoạt động KHCN	Quyết định số /QĐ-ĐHNL ngày tháng 12 năm 2015	Trường Đại học Nông Lâm, ĐHH	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
MCGK.93	Các buổi họp và lịch họp trong dự án về ứng xử với động vật thí nghiệm	Lịch họp của trường, các email chỉ đạo của Ban giám hiệu, các tài liệu đã chuẩn bị trong năm 2019	Trường Đại học Nông Lâm, ĐHH	
MCGK.94	Danh mục các bản ghi nhớ đã ký	Các biên bản ghi nhớ đã ký theo danh mục	Trường Đại học Nông Lâm, ĐHH	
MCGK.95	Danh mục cử cán bộ đi học theo dạng sandwich	Các quyết định cử đi học theo danh mục	Trường Đại học Nông Lâm, ĐHH	
MCGK.96	Danh mục seminar quốc tế, hội thảo quốc tế, trao đổi sinh viên quốc tế	Danh mục được phê duyệt hàng năm, danh mục sinh viên đến trao đổi và cử sinh viên đi nước ngoài	Trường Đại học Nông Lâm, ĐHH	
MCGK.97	Quyết định thành lập các nhóm nghiên cứu mạnh của Đại học Huế		Đại học Huế	
MCGK.98	Danh mục giáo trình, tài liệu tham khảo bổ sung mới 2016 - 2019	15/09/2019	Trường ĐHNL, ĐHH	
MCGK.99	Phần mềm thư viện điện tử KOHA	11/05/2018	Trường ĐHNL, ĐHH	Phần mềm mã nguồn mở
MCGK.100	Phần mềm thư viện số DSpace	28/03/2018	Trường ĐHNL, ĐHH	Phần mềm mã nguồn mở
MCGK.101	Bộ phiếu khảo sát mức độ hài lòng của người học về thư viện	20/05/2019	Trường ĐHNL, ĐHH	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
MCGK.102	Nhà trường đã làm việc với Đại học Huế đã sửa chữa KTX Tây Lộc để phục vụ học tập và nơi ở cho sinh viên tốt hơn	Hợp đồng sửa chữa KTX Tây Lộc	Đại học Huế	
MCGK.103	Nhà trường đã xây dựng khu liên hợp thể thao và có chính sách hỗ trợ sinh viên khi tham gia tập luyện thể thao	Hợp đồng thuê khu thể thao	Phòng TCHC	
MCGK.104	Đầu năm học trong tuần SHCD nhà trường đã mời công an thành phố Tuyên truyền, giáo dục pháp luật về phòng chống HIV/AIDS, ma túy, mại dâm và các tệ nạn xã hội; Tuyên truyền, giáo dục về phòng, chống tác hại của trò chơi trực tuyến có nội dung bạo lực và không lành mạnh.	Số: 374/ĐHNL-CTSV ngày 22/08/2019	Phòng CTSV	
MCGK.105	Từng học kỳ nhà trường tổ chức giao bao và giữa công an thành phố, công an 4 phường và KTX Tây Lộc để tăng cường an ninh KTX và giám sát thực hiện nghiêm túc nội quy KTX	Số 89/BB-ĐHNL ngày 03/05/2017; Số 49/BB-CTSV ngày 15/10/2018	Phòng CTSV	
MCGK.106	Hoạt động tập huấn nghiệp vụ cho toàn thể đội ngũ bảo vệ vào tháng 10 năm 2016			
MCGK.107	Đã trang bị đầy đủ trang thiết bị phòng cháy, chữa cháy theo quy định; Quy định về thực hiện vệ sinh, an toàn tại các đơn vị; Hồ sơ theo dõi công tác phòng cháy, chữa cháy và phương án chữa cháy cơ sở" đã được cảnh sát PC&CC tỉnh Thừa Thiên Huế phê duyệt.			
MCGK.108	Hồ sơ theo dõi công tác phòng cháy, chữa cháy và phương án chữa cháy cơ sở đã được cảnh sát PC&CC tỉnh Thừa Thiên Huế phê duyệt			

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
MCGK.109	Nhà trường đã ký cam kết, giao ban với công an tỉnh, thành phố, phường thường xuyên để phối hợp và xây dựng phương án bảo vệ; Thành lập đội an ninh sinh viên trong trường để hỗ trợ công tác bảo vệ; Lắp hệ thống Camera toàn bộ khu vực làm việc, giảng đường để giám sát các an ninh nhà trường.			